

Tiền Phong
14-10-15

Chuyện về Tổng Cục 2

Kỳ I: Phần nổi của tảng băng

TP - Ngoại thành Thủ đô, một sáng thu... Trước khi vào việc, bữa ấy, tôi ngồi trong cái quán nước gần lối rẽ um tùm cây cỏ và hoa sữa ken dày dẫn vào một khu nhà xây cất khá khiêm tốn, mặt tiền không lòe loẹt biển hiệu. Từ tít ngoài cổng đã án ngữ tấm biển cấm quay phim chụp ảnh. Khó nghĩ tòa nhà với kiểu xây cất giản dị mấy tầng lầu kia lại là đại bản doanh của cơ quan tình báo quốc phòng Việt Nam có tên Tổng cục II.



Những ý nghĩ ngờ ngợ chợt đến khi nhớ lại câu rất hay của người Việt mình, *quen sợ dạn, lạ sợ áo quần* để che, để răn cái thói trọng hình thức. Mấy năm trước, trên chuyên cơ một chuyến công cán trong nhóm báo chí tháp tùng chuyến thăm của một nguyên thủ, ngồi gần một vị đứng tuổi, khuôn mặt có những nét lạnh lạnh, ăn bận cũng giản dị thậm chí loàng xoàng. Suốt cả chuyến đi mấy ngày, cứ tưởng vị ấy là một doanh nhân. Mãi sau mới biết cái ông ăn vận xoàng xĩnh kia mang hàm trung tướng đương kim phụ trách một Tổng cục của lực lượng vũ trang có tên gọi *Tổng cục tình báo quốc phòng Việt Nam* mà dân mình ít khi gọi đầy đủ cả một cụm từ dài thượt mà chỉ giản dị là *Tổng cục 2*!...

Tổng Cục 2

Nhâm nhi hồi lâu chén trà để ngấm thêm một công việc đặc thù của nghiệp binh. Nói gì thì nói, hình như cụm từ *Tổng cục 2 (TC2)* khi lảng máng, lúc rành rẽ trong tâm thức của nhiều người, cái tên ấy từng có những hiệu ứng trạng thái tình cảm khác nhau?

Chẳng phải tít tận phố mới, đường mới mạn ngoại thành mà phải là 18 Nguyễn Du mạn nội thành chứ nhỉ? Mà cũng chả phải 18 Nguyễn Du, ngày 25/10/1945 tại số nhà 16 phố Riquier (nay là 18 Nguyễn Du) đồng chí Hoàng Văn Thái, Tổng tham mưu trưởng QĐNDVN đã công

bộ quyết định thành lập Phòng tình báo trực thuộc bộ Tổng tham mưu. Ngay sau đó các Ban tình báo đặc biệt thuộc Phòng và một loạt các Ban tình báo thuộc các khu, chiến khu lần lượt ra đời.

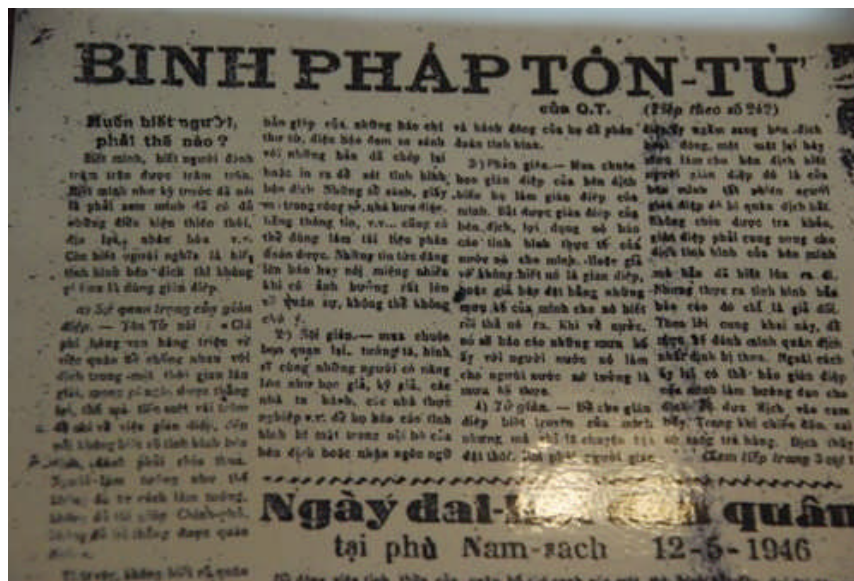
Ngày 25/10 được coi là ngày truyền thống của ngành tình báo quốc phòng Việt Nam.

Phòng tình báo buổi đầu dân quốc ấy, ngoài địa chỉ 16 Riquier còn chuyển trụ sở đến những 67 Bà Triệu, 51 Ngô Quyền.

Tôi đã ghé những địa danh đó. Cả ba nơi này, nay đều có chủ mới.

Mặt tiền cả ba nhà đều không tượng đồng bia đá hay biển hiệu sáng choang những dòng đại loại nơi đây từng là (hoặc nguyên là) Trụ sở Phòng tình báo tiền thân của Cục tình báo (tức Cục 2) sau này là Tổng cục tình báo quốc phòng.

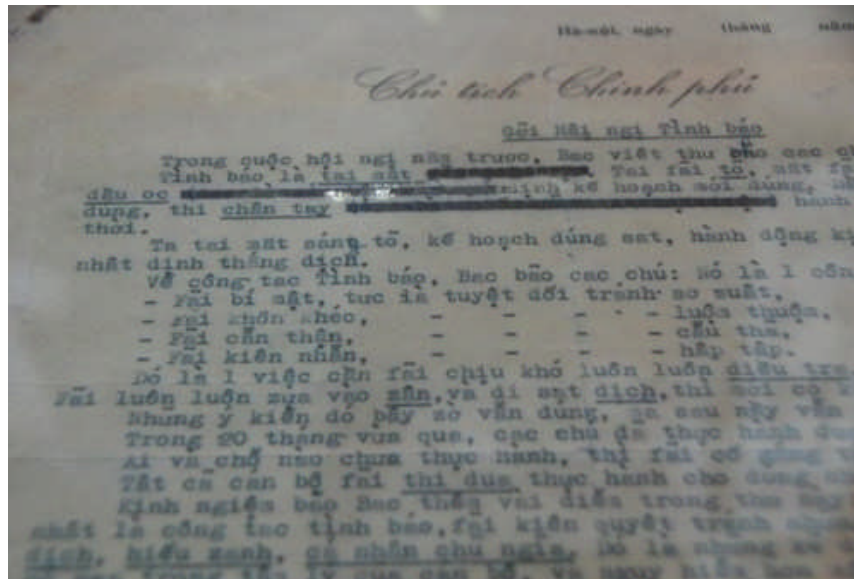
Cái nghề âm thầm lặng lẽ này hình như có cung cách hành xử vô ảnh, vô hình?



Có một cuốn sách viết cách đây 2.000 năm, cuốn *Binh pháp Tôn Tử*, nhà lý luận quân sự người Trung Hoa, Tôn Tử đã đưa ra chi tiết về việc tổ chức một hệ thống gián điệp bao gồm cả những điệp viên hai mang và những kẻ đào ngũ.

Nhưng Bác Hồ nói rất giản dị súc tích thế này

Tình báo là tai mắt của Quân đội. Trách nhiệm của nó rất quan trọng. *Binh pháp* nói biết mình biết địch trăm trận trăm thắng. Muốn biết địch thì phải có tình báo giỏi. Muốn tránh địch biết ta cũng phải có tình báo giỏi (Trích thư Hồ Chủ tịch gửi Hội nghị tình báo toàn quốc ngày 10/3/1948).



Trở lại đại bản doanh Tổng cục 2

Tôi hơi bần thần trước tập tài liệu quá khiêm tốn của Cục chính trị TC2 mà mình đang được phép sử dụng. Chợt nghĩ ngay đến cái *duyên* hần đờng còn kém của mình? Cánh cửa tuyên truyền của TC2 dường như đã hé ra với báo chí sau bao năm đóng kín, nhưng với tập tài liệu mỏng này có lẽ chưa thấm thía gì với bề dày những chiến công mà đa phần thâm lặng của ngành tình báo Quốc phòng 70 năm qua. Tôi loáng thoáng biết được hàng chục đầu mối trực thuộc TC2 mà những cơ quan ấy không phải là lèo tèo, sơ sài mà bề thế hoành tráng. Những *Phòng nghiên cứu*, *Quân báo trinh sát*, *Điện báo miền Nam*, *Điện báo ngoài nước*, *Huấn luyện tình báo*, *Trình sát kỹ thuật*, *Kỹ thuật tình báo* vv... Hàng chục phòng, ban, vụ, cục đầu mối trực thuộc như thế, bộ phận nào, phòng nào nếu chưa có tuổi thọ khai sơn phá thạch 70 năm thì cũng có thâm niên vài chục năm dày chập những chiến tích thâm lặng. Các bộ phận phòng ban ấy như hợp thành một binh chủng đặc biệt với công việc đặc thù cùng chung cái tên gọi là *góp phần đắc lực để quân đội và Tổ quốc không bị bất ngờ trong mọi tình huống!*



Bác Hồ, cha đẻ của ngành tình báo.

Và tất nhiên nghiệp vụ những phòng ban ấy luôn là bí mật nhất là với cánh báo chí luôn thường trực sự tò mò sấm soi mỗi khi có dịp. Nhưng biết làm sao, đặc thù như thế, quy định như vậy, đâu có nóng lòng sốt ruột muốn tung hô, tri hô lên với quần chúng, bạn đọc đặc thù nghiệp vụ cùng chiến công thì cũng khó có thể.

Tôi biết chức phận của mình chỉ được tiếp cận với những thông tin khiêm tốn này thôi.

Cố dẹp đi cảm giác *xâm sờ voi* cùng những hụt hẫng tiếc nuối, tôi bắt tay vào xử lý những thông tin cơ bản, khiêm tốn như kiểu đang phải dò dẫm phần nổi của một tảng băng chìm khổng lồ. Làm sao để tường tận rành rẽ những chi tiết sinh động của các phần thưởng cao quý dành tặng cho lực lượng đặc biệt thâm lặng này suốt 70 năm qua.

Danh hiệu AHLLVT thời kỳ đổi mới. 1 Huân chương Sao Vàng (1995) 2 Huân chương Hồ Chí Minh. 2 Huân chương Độc lập hạng nhất. 1 Huân chương quân công hạng nhất, 1 Huân chương Chiến công hạng nhất.

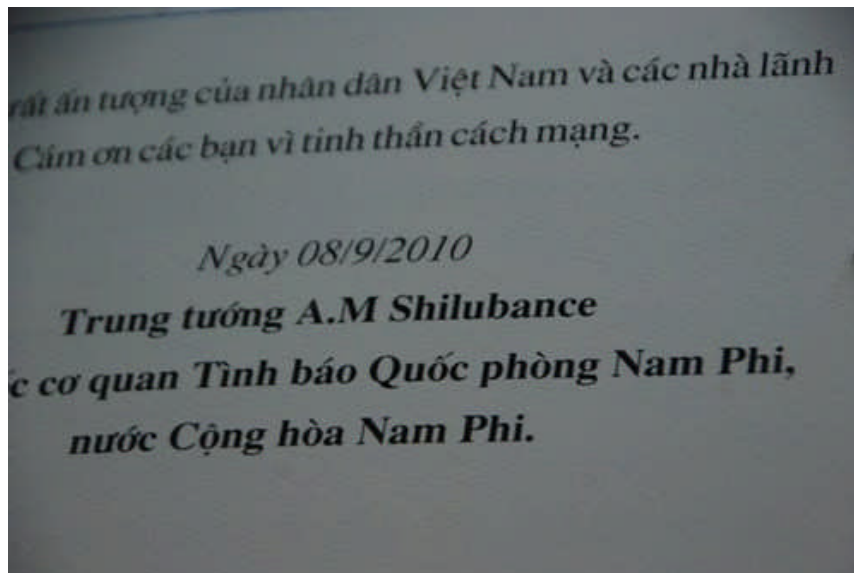
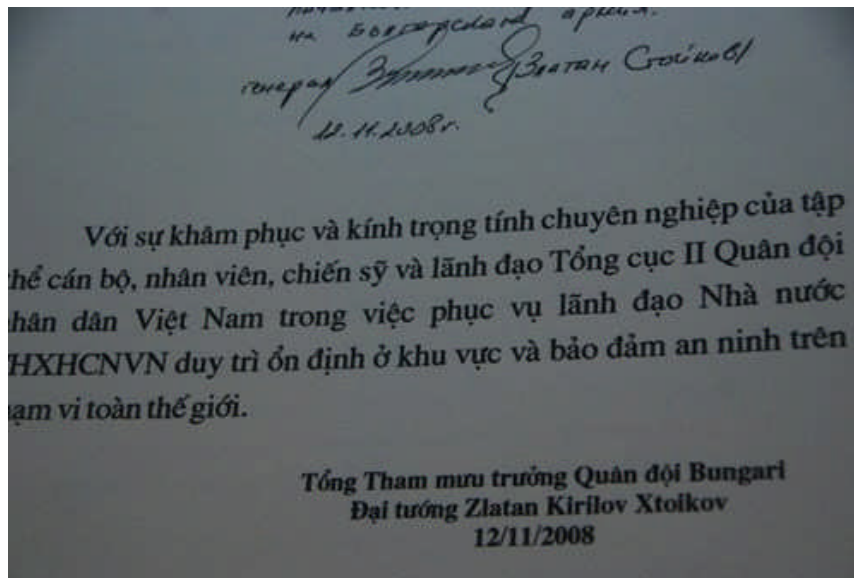
37 lượt Tập thể AHLLVTND. 42 cá nhân được phong tặng và truy tặng danh hiệu AHLLVTND và hàng ngàn Huân chương Độc lập, Huân chương quân công, chiến công các hạng của các thời kỳ chiến tranh vệ quốc cũng như thời bình vv...

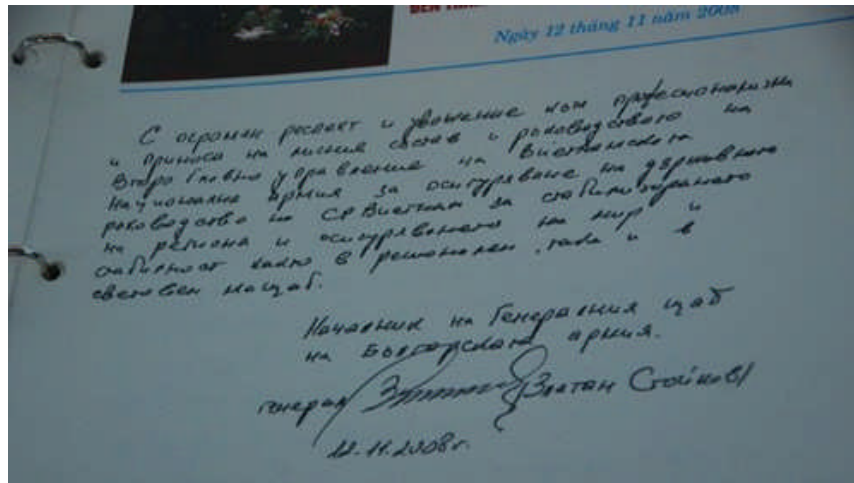


Không bày đặt ra ở đây phương pháp so sánh và khó có những câu hỏi đại loại rằng, *tình báo Việt Nam đang ở đâu so với những cao thủ KGB, CIA...* Nhưng thử coi ngó mặt bằng thông tin trên mạng về KGB (cơ quan tình báo Liên Xô) CIA (cơ quan tình báo Hoa Kỳ) Stasi (cơ quan

tình báo Đông Đức) *Mossad* (cơ quan tình báo Israel) *M15* (cơ quan tình báo Anh) Hoa Nam
Tình báo Cục (cơ quan tình báo Trung Quốc)... nếu được phép trình làng vốn liếng dẫu chỉ một
phần thôi của TC2 với bề dày truyền thống lẫn nghiệp vụ 70 năm qua có lẽ bạn đọc không thể
không xôn xang cái cảm giác tự tin, tự hào!

Không thể không ngoái lại cái buổi đầu tình báo ấy... Cái ngày trứng nước ngành tình báo quốc
phòng khi Bác Hồ đưa cặp mắt âu yếm nhìn suốt lượt những anh *Vệ túm* mới thoát từ những thửa
ruộng chiêm lay thụt cùng gia thế tiểu tư sản trí thức, dùng cái được sung vào nhiệm vụ công
việc tình báo hãn Người đang dậy lên cảm giác tự hào rằng, quân đội ta từ nay chính thức có một
tổ chức chuyên trách làm nhiệm vụ nắm tình hình giúp cấp trên đánh giá đúng âm mưu ý đồ hoạt
động của địch làm cơ sở hoạch định thực thi chiến lược, sách lược và chỉ đạo tác chiến.





Những dòng lưu niệm tại Phòng Truyền thống và Bảo tàng TC2.

Với nhiệm vụ nặng nề đó hẳn Người cũng không ít những âu lo, băn khoăn? Lo lắng nên Người đã phải dặn đi dặn lại.

Địch nhân có một tổ chức tình báo rất khôn khéo xảo quyệt. Chúng có nhiều kinh nghiệm, nhiều mảnh khéo và có một truyền thống lâu dài.

... Vẫn biết các chú đều cố gắng chịu khó cố gắng kiến có tiến bộ, nhưng chúng ta phải thật thà nhận rằng tình báo ta còn kém. Ta chớ giấu dốt, chớ xấu hổ học hỏi lẫn nhau học hỏi người ngoài. Ta chỉ có một cách để theo kịp và đi quá người là phải ra sức học hỏi. (Thư Hồ Chủ tịch gửi Hội nghị tình báo toàn quốc. Tài liệu đã dẫn).

Bảy mươi năm bề dày truyền thống âm thầm bền bỉ với bao gắng gỏi quyết liệt. Có thể tạm gọi slogan của cái ngành đặc biệt này hơi dài *Trung dũng kiên cường, độc lập sáng tạo, bí mật khôn khéo, đoàn kết quyết thắng*. Hành trang đó đã tạo dựng nên cả một quy mô hệ thống tình báo chiến lược, tình báo chiến dịch, tình báo chiến thuật, tình báo kinh tế... Theo kịp và đi quá người như lời Bác Hồ dặn năm xưa có lẽ dành cho các nhà chuyên môn chuyên làm cái việc nghiên cứu, tổng kết. Nhưng nội cái việc từng là *học trò* rồi là *đối thủ*, từng phải so gắng đọ gắng với những Phòng Nhì, CIA trong quá khứ rồi bây giờ tiến lên nữa là *hợp tác*, danh tiếng cái tên TC2 đã và đang gieo tiếp những cảm giác tin cậy tự hào cho nhiều thế hệ lương dân nước Việt!

Chưa có cái ta cần thì tạm bằng lòng với cái đang có vậy. Tôi vui lòng lần theo người sĩ quan liên lạc của đồng chí Trung tướng Tổng cục trưởng Tổng cục II đến những địa chỉ cần đến...

Tiền Phong
15-10-15

Kỳ II: Mất mát

TP - Làm việc với sỹ quan tùy tùng của Tổng Cục trưởng Cục 2, tôi có được một danh sách dài tên của những điệp viên, tình báo chiến lược chiến thuật... nổi tiếng. Có những người, hành tung cùng chiến công ít nhiều trên các phương tiện thông tin đại chúng nghe đã hơi quen quen... Nhưng có người mới toanh bởi lần đầu được biết?



Bức hình duy nhất Minh Vân chụp cùng bố Đào Phúc Lộc - mẹ Hoàng Minh Phụng tại chiến khu Việt Bắc, Đại Từ, Thái Nguyên.

Nhưng việc trước nhất phải ghé vị tiên chỉ của làng tình báo Việt.

Những liệt oanh...

Đó là Hoàng Minh Đạo (tên thật là Đào Phúc Lộc) được coi là thủ trưởng đầu tiên của ngành tình báo quân sự.

Tên tuổi và sự nghiệp của ông gắn liền với sự ra đời của ngành Tình báo quân sự Việt Nam. Ông được coi là người đầu tiên xây dựng nền móng cho sự thành lập của ngành tình báo Việt Nam ngay từ khi Cách mạng tháng 8 năm 1945. Ông cũng là một trong những nhân vật quan trọng sáng lập ra Ban địch tình Xứ ủy Nam Kỳ và ngành Binh vận vào thời điểm 1954 -1955 của Cách mạng miền Nam. Trưởng ban quân báo Nam bộ, Phó Ban binh vận Trung ương cục miền Nam, Ủy viên thường vụ Khu ủy Sài Gòn - Gia Định, Bí thư Khu 5 - Bí thư phân khu I Sài Gòn - Gia Định, Chính ủy lực lượng *Biệt động Sài Gòn*...

Phải trưng ra những *liễn đối* (cách nói về một ngôi đền ngôi chùa vô hình Hoàng Minh Đạo- Đào Phúc Lộc) của các vị khai quốc công thần.

Ông Nguyễn Văn Linh, nguyên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam viết “*Có nhiều thời gian công tác với đồng chí Đạo tại chiến khu miền Nam, Campuchia, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định, tôi thấy: đồng chí Hoàng Minh Đạo còn có nhiều bí danh khác như Năm Thu, Năm Đồi, Năm Sài Gòn - là một đồng chí trung kiên, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đảng phân công, tận tụy với Đảng cho tới ngày hy sinh*”.

Ông Võ Văn Kiệt, nguyên Thủ tướng Chính phủ nói chuyện với Đào Thị Minh Vân, con gái Hoàng Minh Đạo: *“Chú vẫn giữ những ấn tượng sâu sắc về ba cháu, một cán bộ gương mẫu và luôn hoàn thành nhiệm vụ được trao, một người đồng chí chân thành, cởi mở, lạc quan, trong gần mười năm cùng công tác ở Khu ủy Sài Gòn - Gia Định. Chú mong cháu luôn cố gắng, xứng đáng với ba cháu”*.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *“Tôi rất cảm động hôm nay gặp mặt cháu Đào Thị Minh Vân, con gái đồng chí Hoàng Minh Đạo, đã được Quân ủy Trung ương cử đi làm Trưởng ban quân báo Nam bộ từ năm 1948. Anh đã hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc. Nhớ tới anh Đạo, tôi mong rằng con và cháu của anh noi gương của ông, của cha, học tập tốt, lao động tốt, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, xứng đáng là con cháu của Bác Hồ, đáp ứng lòng mong mỏi của anh Đạo”*.

Đào Phúc Lộc sinh năm 1923 ở Móng Cái, Quảng Ninh. Từ một phụ xe lơ xe Đào Phúc Lộc trở thành nhà tình báo Hoàng Minh Đạo sau này là cả một câu chuyện dài.

... Được đồng chí Tô Hiệu trực tiếp rèn cặp, năm 1939, từ một liên lạc viên, Đào Phúc Lộc được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương khi mới 16 tuổi.

Bí thư khu ủy Tô Hiệu phân công Lộc ở bộ phận giao thông, giữ đường dây liên lạc của khu ủy với vùng mỏ, đặc biệt lúc phong trào bị thực dân Pháp đàn áp ác liệt nhất.

Năm 1940, trong một chuyến công tác, Đào Phúc Lộc bị bắt, bị kết án và bị dẫn giải qua nhiều nhà tù, song thực dân Pháp đã không khai thác được gì từ người thanh niên 17 tuổi này. Chúng đưa anh về quản thúc tại Móng Cái sau hai năm bị bắt giữ, đồng thời bị quản thúc tại quê hương 5 năm.

Đánh lạc hướng, Lộc trốn sang Trung Quốc bắt liên lạc với tổ chức tiếp tục hoạt động. Đồng chí Trường Chinh chỉ đạo Lộc quay về xây dựng cơ sở ở vùng Móng Cái, lập đường dây bí mật *Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh - Quảng Tây* để đưa đón cán bộ đi về hoạt động.

Năm 1948, Hoàng Minh Đạo nhận lệnh phụ trách phái đoàn của Cục Tình báo đi cùng với đoàn của Bộ Tổng Chỉ huy vào Liên khu 5 và Nam bộ để kiểm tra tình hình hoạt động và hướng dẫn công tác tình báo trong giai đoạn mới.

Rồi tiếp nối liên miên những ngày ở chiến trường ác liệt...

Năm 1969, Trung ương cục điều Hoàng Minh Đạo từ Phân khu 5 về làm Chính ủy Phân khu 1- vùng Củ Chi. Đêm Noel (24/12), Chính ủy Đào Phúc Lộc vượt Vàm Cỏ Đông đặng giang thuyền địch. Tất cả đều hy sinh giữa dòng nước.



Ông Đào Phúc Lộc (Hoàng Minh Đạo).

Kết có hậu

Những giấy mực, báo sách phim ảnh đề cập đến cuộc đời sự nghiệp của Đào Phúc Lộc- Hoàng Minh Đạo tưởng đã nhiều.

Những bài báo ngắn và dài kỳ, kể có vài trăm. Văn có *Chân dung một nhà tình báo* của Hàn Song Thanh. *Khúc bi tráng trên sông Vàm Cỏ*, *Chuyện chưa biết về người anh hùng*. Công ty nghe nhìn - Đài Phát thanh Truyền hình Hà Nội làm bộ phim dài tập có tên là *Con đường sáng*, nhân vật chính là Hoàng Minh Đạo (Xuân Bắc đóng). Hóa ra vẫn thiếu.

Cuối năm ngoái, có buổi ra mắt cuốn hồi ký *Không thể mở còi* do NXB Công an nhân dân tổ chức.

Tác giả cuốn hồi ký Đào Minh Vân cũng có mặt.

Những người dự rất xúc động khi được biết Đào Minh Vân chính là con gái duy nhất của nhà tình báo Hoàng Minh Đạo với người vợ quá cố Minh Phụng. Hiện chị là Tổng giám đốc một công ty liên doanh Sae Young.



Bà Minh Vân tại buổi ra mắt cuốn hồi ký Không thể mờ côi của mình

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ (12/1946), ông gửi vợ và con gái là Minh Vân lên chiến khu.

Năm 1948, Hoàng Minh Đạo nhận lệnh điều động vào tăng cường cho chiến trường miền Nam. Trước khi đi, ông lên Việt Bắc để chia tay vợ và con gái, thì người vợ bị sốt rét ác tính vừa qua đời. Ông phải gửi con gái lại cho chị nuôi là bà Nguyễn Thị Kjú.

Năm 1951, ông làm lễ cưới với bà Bùi Ngọc Hương là giao liên của Cục tình báo Trung ương tại Chiến khu Đ. Năm 1964, bà Hương bị bắt và đày ra Côn Đảo cho đến tận năm 1974 mới được trao trả. Ông bà sinh ba người con, 1 trai 2 gái.

Bà Hương đã bộc bạch trong một bài báo.

Lần ấy nghe tin chồng bị bắt rồi lại nghe tin ông đã vượt ngục trở lại cơ quan công tác, bà lặn lội vào Sài Gòn tìm ông. Chuyến đi mất tới 120 ngày mới gặp được ông tại Nam Vang. Bà được bố trí chuyển công tác từ Nam Vang lên Ban Công vận thành phố Sài Gòn. Lần gặp cuối cùng vào năm 1962, bà theo đoàn giao liên tới rừng Sác huyện Nhà Bè để gặp chồng. Không ngờ, đó là cuộc gặp gỡ cuối cùng.

“Tôi với anh có với nhau 3 mặt con nhưng sống với nhau tính cặn kẽ cũng chưa đầy 3 năm. Ba đưa con của tôi sinh ở ba chiến trường khác nhau. Sau lần gặp năm 1962 ở rừng Sác ít lâu thì tôi bị bắt. Phải mất tới 12 năm bị đày trong nhà tù Côn Đảo, năm 1974 khi trao trả tù binh, tôi đã nóng lòng mong gặp lại anh. Vậy mà...”.

Vì hoàn cảnh chiến tranh, hoạt động trên mặt trận thâm lặng, cái tin ông hy sinh phải giữ bí mật.

Cái tin Đào Phúc Lộc, Hoàng Minh Đạo theo địch phản bội Tổ quốc mới đầu thì nhỏ giọt rồi âm ỉ dai dẳng. Bao năm sống trong đôn thổi nghi kỵ, những người thân của ông Đạo, bà Hương, bà Minh Vân cùng các con và một số đồng đội cứ âm thầm bên bí bao lần buồn bã nay đây mai đó gỡ tất cả những cửa. Đến tất cả những nơi có thể đến...

Đau đớn vì mất chồng, cha, càng đau đớn hơn khi thanh danh của ông chưa được làm rõ. Rồi phần mộ của ông đang ở nơi nao?

Trong buổi giới thiệu cuốn hồi ký, trên khuôn mặt nhiều độc giả đã lặng lẽ rơi những giọt nước mắt sẻ chia...

Gần ba chục năm trôi qua, lặn lội ngược dòng thời gian kiên trì lần đến hàng trăm nhân chứng và vô số cuộc tìm kiếm, vợ con và đồng đội cũ của Hoàng Minh Đạo đã đến được trước ngôi mộ vô danh nằm 29 năm qua ở ấp An Thới, An Hòa, Trảng Bàng, Tây Ninh. Đó là ngôi mộ mà 29 năm trước, ông Hai Tờ khi vớt được thi thể một người mặc đồ bà ba đen bên dòng Vàm Cỏ Đông đã đoán là “người đồng mình” nên cùng bà con chôn cất và chăm sóc mộ cẩn thận. Khi ngôi mộ được khai quật, một đặc điểm khiến cho mọi người nhận ra ngay đó chính là Đào Phúc Lộc bởi hàm răng dưới có hai chiếc bít bạc vẫn còn nguyên vẹn. Cuối cùng, những đôn thổi oan khiên được cởi bỏ.

Ngày 31/7/1998, tại Hà Nội, Bộ Quốc phòng đã tổ chức lễ truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh và danh hiệu Anh hùng LLVTND cho liệt sĩ Đào Phúc Lộc. Đây là huân chương cao quý đầu tiên được trao tặng cho Anh hùng Đào Phúc Lộc trong số gần 2.000 Anh hùng Lực lượng vũ trang trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ.

Di hài liệt sĩ Đào Phúc Lộc được an táng tại nghĩa trang liệt sĩ thành phố Hồ Chí Minh.

Tại các thành phố lớn Móng Cái, Hạ Long, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh... đều có những con đường mang tên Hoàng Minh Đạo. Riêng Quảng Ninh, quê hương ông, tên khai sinh Đào Phúc Lộc của ông được đặt cho 2 tuyến đường ở Móng Cái và thành phố Hạ Long.

...Tôi đang mừng tượng ai đó trong số những người viết có tâm có tài, chả hạn có những cuộc tiếp xúc chuyện trò với những người thân của nhà tình báo... Ai dám chắc sau cuốn *không thể mở cõi* lại không lộ dạng một thể loại báo chí hay văn chương về nhà tình báo huyền thoại Hoàng Minh Đạo?

Tiền Phong
16-10-15

Kỳ III: Cái tên Mười Hương

TP - Sau thời điểm Những việc cần làm ngay, dám viết chúng tôi hăng lắm. Hăng là say việc. Lắm hôm bỏ cả bữa lẳng nhẳng kéo nhau đi... Thường một nhóm dăm ba anh các báo tập trung giải quyết một vụ tiêu cực. Bám nhân mối các cơ quan điều tra để lấy thông tin đã đành. Lại lần tìm đến một vài lãnh đạo cấp cao để tranh thủ sự ủng hộ.



Ông Mười Hương tháng 4/2015.

Chiều ấy, ông anh đồng nghiệp ở Đài Tiếng nói Việt Nam, người nhỉnh tuổi nhất bọn dẫn tôi đến chỗ Ban Nội chính Trung ương. Anh nói đây là một chỗ đi về và là một nhân mối quan trọng mỗi khi báo chí phải nhờ cậy để phục vụ cho công tác đấu tranh chống tiêu cực.

Người mà chúng tôi gặp chính là ông Trần Quốc Hương, Trưởng ban.

Không ngờ ông Hương lại là chỗ quen biết với ông bạn đồng nghiệp. Và có vẻ như thân nữa?

Nhưng ấn tượng với tôi buổi gặp hôm ấy ngoài những lời khuyên bảo cần thiết về nghiệp vụ báo chí mà là cặp mắt, nói đúng hơn là ánh mắt là nỗ lực của ông Trưởng ban Nội chính Trung ương. Người gầy mảnh nhưng ông có uy lực gì đó toát lên từ cái nhìn... Như là bao dung là sắc sảo.

Thời điểm ấy tôi chưa biết gì nhiều về ông. Chỉ loáng thoáng ông là cán bộ cỡ cao cấp từng bị biệt giam sáu năm liền dưới tay Lãnh chúa miền Trung Ngô Đình Cẩn... Với lại thời điểm đó, chưa rộng rãi công khai chuyện ông Trần Quốc Hương là một cán bộ tình báo tài ba (ông bạn tôi có biết nhưng cứ úp úp mở mở?) từng đào tạo nên những nhà tình báo nổi tiếng Phạm Ngọc Thảo, Vũ Ngọc Nhạ, Phạm Xuân Ẩn...

Năm tháng qua đi. Đạo ấy tôi đang mải mê lần theo nhiều nhân mối để thực hiện loạt bài viết về những người con trai của cụ Nguyễn Văn Vĩnh.

Trong số những người con của cụ Vĩnh (Nguyễn Phùng người được đặt tên cho một đường phố ở thành phố Montpellier nước Pháp, Nguyễn Giang từng là bạn của Picasso, nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp...) tôi rất ấn tượng với ông Nguyễn Văn Phổ, một người kém may mắn nhất. Ông

từng làm thợ ở nhà in *Trung Bắc Tân Văn*. Là điệp viên hoạt động nội thành... Hòa bình, ông Phở bị nghi là gián điệp, bị đi tù oan...

Khi tôi tìm đến nhà ông Phở thì chỉ biết thấp lên bàn thờ nén hương muện. Ông đã mất sau quãng đời tù oan dằng dặc đói khát tật bệnh.

Ngạc nhiên, mé dưới ban thờ còn có một tấm ảnh ông Phở chụp với ông Trần Quốc Hương.

Tôi đã ngồi với người con trai ông Phở, anh Nguyễn Văn Tuấn. Những năm ông Phở còn sống, anh đã lê lét hết các cửa để đưa đơn kêu oan cho bố nhưng vẫn vô vọng.

Một ngày nọ, người con trai ông Phở, nghe theo lời mách đã tìm đến ông Trần Quốc Hương... Ông Hương năm xưa từng học nghề in từ ông Phở. Rồi chính ông Hương bố trí cho ông Phở vào nghề điệp báo quân đội cắm ngay ở *Trung Bắc Tân Văn* nay là Nhà máy in Tiên Bộ rồi sau đó với tay nghề tráng ảnh kẽm tài hoa, ông Phở được điều sang làm ở Phòng thông tin Hoa Kỳ...

Danh nghĩa là Phòng thông tin. Nhưng bên trong là hoạt động của một cơ quan tình báo.

Xin trích ra đây lời nhận xét của ông Nguyễn Văn Đăng, nguyên đại đội trưởng đơn vị PC 256, Tiểu đoàn 610A, Trung đoàn 75 người chỉ huy trực tiếp nhóm điệp báo thời gian hoạt động trong nội thành...

Từ Phòng thông tin này, rất nhiều tài liệu quan trọng đã được Nguyễn Phở sao chụp và đưa đến các hòm thư liên lạc chuyển ra chiến khu. Sáu năm hoạt động trong lòng địch, nhóm điệp báo này đã đưa được rất nhiều tài liệu có giá trị ra ngoài cho tới ngày giải phóng Thủ đô mà vẫn không bị lộ...

Trong câu chuyện, người con trai ông Phở đã bật khóc khi nhắc đến những sự giúp đỡ của nhiều người trong đó có cái ơn của bác Hương đã từng tát tả kiên trì đi gỡ các cửa minh oan trả lại danh dự và quyền lợi cho gia đình Nguyễn Phở!

Và cả chuyện mẹ anh, vợ ông Phở quá đau khổ uất ức đã một thời gian dài xuống tóc đi tu.

Có chi tiết như là kết thúc có hậu của câu chuyện buồn ấy là ông Phở được quy đổi 17 năm tù oan thành 55 triệu đồng tiền truy lĩnh lương và 45 triệu tiền bồi thường những vật dụng của gia đình ông bị tịch thu năm 1955.

Năm 1997 ông Phở được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì.

Một bất ngờ nữa, anh Tuấn đã kể tôi nghe chuyện ông Phở sau thời điểm được minh oan đã lặn lội vào Nam thăm nhà văn Vũ Bằng, người trong lưới điệp báo hoạt động ở nội thành. Chính vì không bị lộ mà Vũ Bằng được cử vào Nam hoạt động.

Sau đó tôi đã có ý tìm gặp ông Mười Hương mấy bận để hỏi kỹ về chuyện này nhưng không có duyên gặp...

Bù lại đã tìm đọc khá khá những gì sách báo đã viết về nhà tình báo Trần Quốc Hương.

Đó là những xen, những trường đoạn như trích ra từ bộ phim nhiều tập về ông Mười Hương. Đến mỗi đoạn như thế lại bất chợt nghĩ ngay đến người cặp mắt có những ánh nhìn ẩn tượng. Cứ như một thứ biệt nhỡn gì đó để ông có thể nhìn xa nhìn ra từ những thanh niên Việt Nam bình thường mai sau trở thành những Thiếu tướng Vũ Ngọc Nhạ; Đại tá, Anh hùng LLVT nhân dân Lê Hữu Thúy; Đại tá, Anh hùng LLVT nhân dân Phạm Ngọc Thảo; Thiếu tướng, Anh hùng LLVT nhân dân Phạm Xuân Ân... cặp mắt ấy đã tìm ra, đã chọn lọc được biết bao nhà tình báo

chiến lược xuất sắc đã đi vào sử sách, vào văn học, thậm chí đã trở thành huyền thoại tình báo trong nước và quốc tế.

Đôi xa, nhìn ra có lẽ xuất phát từ cái tâm lành? Tâm ấy đã bầu nên *tâm* Mười Hương.



Ông Mười Hương (thứ 3 từ trái sang) và các điệp viên trong một lần gặp gỡ.

Nhớ lại sự kiện ông Mười Hương được tha là trường hợp gặp may. Đơn giản thời điểm đảo chính 1963, Ngô Đình Diệm đổ. Lực lượng đảo chính của Dương Văn Minh do lo thanh trừng phe phái của Diệm nên phần nào cũng ngó lơ số tù chính trị cũ. Và bất ngờ chúng cho thả dễ dàng một số đông. Trong số được thả ấy, đôi phương không ngờ đã để lọt mất một nhân vật tình báo cộng sản, Mười Hương. Sau này người ta tìm thấy tờ bìa hồ sơ tù chính trị Trần Quốc Hương có những dòng tặc trách quan liêu thế này

... Do đương sự ngưng hoạt động năm 1955, hơn nữa không gia nhập Đảng cộng sản và đã bị giam giữ 6 năm.

Trở lại miền Bắc sau 6 năm nếm trải địa ngục trần gian nhưng Mười Hương không phải được hít thở ngay tràn trề buồng phổi không khí tự do.

Tại sao Mười Hương được tha và tha một cách dễ dàng như thế? Bao nhiêu câu hỏi xoắn bện về ông ở những cấp quản lý. Ông như bị cách ly ở K5 Quảng Bá (dành cho các cán bộ từ chiến trường ra) hàng tháng trời. Ông hiểu và tuân thủ những nguyên tắc ngặt nghèo của ngành... Nhưng sao lâu thế? Và ông đương rất cô đơn. Vừa bị nghi kỵ cộng thêm nỗi đau người vợ từ thuở tao khang trong thời gian ông hoạt động và bị giam cầm đằng đẵng trong ngục Chí Hàm đã ngoặt hướng đời sang một phía khác... Trong người không một mảnh giấy tờ, ông đánh liều tìm đến cấp trên trực tiếp tuyên mộ ông vào ngành khi đó là ông Trần Hiệu đang đương chức Viện phó Viện KSND Tối cao. Nhưng không có giấy tờ, bảo vệ không cho gặp.

May thời gian đó kéo dài không lâu. Ông đã trở lại công việc cũ với cương vị cao hơn phụ trách tình báo kỹ thuật trước khi lên đường trở lại miền Nam.

Từng ngọt ngọt và ít nhiều là nạn nhân của những nghi kỵ, hiểu lầm nên với đồng đội bạn bè từng gặp oan trái, ông Mười Hương với thứ trực giác bén nhạy đã có những xử sự khôn khéo...

Ông Mười Hương từng phụ trách an ninh Lễ Tuyên ngôn độc lập 2/9 ở Quảng trường Ba Đình (còn ông Nguyễn Hữu Đang - người từng nhiều năm hoạt động cùng nhau thời gian khó - chịu trách nhiệm tổ chức buổi lễ) nên khi ông Đang gặp nạn, ông đã tích cực khéo léo can thiệp. Ông

Nguyễn Tài, con trai nhà văn Nguyễn Công Hoan, một cán bộ công an trung kiên từng bị giam cầm trong sào huyệt Mỹ-Thiệu khi được thả cũng bị nghi ngờ, tố giác... Ông Mười Hương đã tích cực can thiệp. Sau này ông Nguyễn Tài được minh oan, được phong tặng Anh hùng LLVT, trở thành lãnh đạo ngành Hải quan và công an với chức Tổng Cục trưởng và Thứ trưởng.

Hoạt động bí mật, hoạt động tình báo - công việc thầm lặng khổ ải ấy có biết bao thứ đặc thù. Như việc thẩm tra sau thời gian bị địch bắt, sau thời kỳ đứt liên lạc chẳng hạn. Và khi có trực trặc không phải ai cũng có sẵn năng lực để có thể nhận ra ngay để thông cảm với những khuất lấp, mất mát. Và cũng không phải ai cũng dũng cảm để làm cái việc đó. Dẫu hiềm hoi nhưng ông Mười Hương hình như đã có con mắt xanh trong việc cởi bỏ những oan sai của đồng chí mình. Tôi tin sẽ tiếp tục có những cuốn sách, bộ phim với những góc độ khác nhau về ông già Mười Hương.

Chắc ở đâu đó và dịp nào đó, ông vẫn âm thầm, miệt mài truyền nghề, kinh nghiệm cho lớp hậu sinh? Năm kia, tôi đã chứng kiến ông Mười Hương có một động tác truyền lửa cho thế hệ trẻ. Ông đã đem bức thư pháp *Nam quốc sơn hà*... với những câu thơ Thần của Lý Thường Kiệt do những người bạn kháng chiến của ông thể hiện đến tặng một cơ sở Đoàn TNCS ở thành phố Hồ Chí Minh nhân phong trào góp đá xây Trường Sa.

Làng tình báo nước Việt đương có một vị tiên chỉ cao niên cửu thập. Ông Mười Hương như một nhân chứng sống, như một cuốn sử sinh động đang minh chứng một thời cuộc chiến tranh vệ quốc của chúng ta có những huyền thoại Phạm Ngọc Thảo, Lê Hữu Thúy, Phạm Xuân Ẩn, Vũ Ngọc Nhạ...

Mà ông là tác giả.

Tiền Phong
17-10-15

Kỳ IV: Cục trưởng Cục Tình báo đầu tiên

TP - Người có cặp mắt xanh nhìn ra tổ chất của “ông trùm” Mười Hương chính là cô Đại tá Trần Hiệu - Cục trưởng Cục Tình báo đầu tiên, nguyên Giám đốc Nha Liên lạc của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (ĐCCH), nguyên Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao...



Nhà tình báo Trần Hiệu và phu nhân.

Tôi tìm đến khu tập thể UBND thành phố Hà Nội đối diện với khán đài B sân vận động Hàng Đẫy...

Chủ nhân là một ông già gầy mảnh. Tôi đã nhận ra ông nguyên là Phó chủ tịch phụ trách văn xã UBND thành phố Hà Nội rồi sau đó là Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc thành phố, ông Vũ Mạnh Kha, người con trưởng cố đại tá Trần Hiệu.

Ông Kha với cái cười lành cổ hủu nói rằng cứ như lời ông nội, con cháu đặt tên gì cũng phải có chữ tâm. Nhưng đến đời cụ Trần Hiệu thì sau ông Kha, những người con đều có cái tên như tiếng reo vui chiến thắng. Người em kế ông Kha sinh vào năm chiến thắng Nghĩa Lộ (năm 1952) có tên là Nghĩa. Người em kế nữa có tên là Lộ.



Bác Hồ dự lễ phong đại tá cho ông Trần Hiệu

Câu chuyện một sớm thu Hà thành ở nhà ông Vũ Mạnh Kha thì dài. Nhưng có thể chấp nối như một trích đoạn về cuộc đời ông Trần Hiệu ngày 20/1/1948 được Chủ tịch Hồ Chí Minh ra sắc lệnh cử làm Cục trưởng Cục Tình báo thuộc Tổng chỉ huy Quân đội Quốc gia Việt Nam...

Ông Trần Hiệu vốn dòng họ Vũ Văn ở Phúc Lâm, Mỹ Đức gần chùa Hương, tên thật là Vũ Văn Địch, sinh năm 1914. Gia đình ông là nông dân nhưng cũng có bát ăn bát để. Năm 12 tuổi, ở ngay trường làng, cậu bé Địch đã hăng hái tham gia Lễ Truy điệu nhà chí sĩ Phan Chu Trinh. Ra Hà Nội học ở trường Bờ sông, khi chỉ mới là học sinh lớp nhì, Vũ Văn Địch đã được kết nạp vào Tổ chức Thanh niên Cộng sản. Học hết đệ nhất cấp, ông đi học nghề thợ nguội ở Hà Nội rồi tới năm 1935, xuống Hải Phòng học nghề sửa chữa ô tô ở Trường Kỹ nghệ thực hành. Chính tại đó, Trần Hiệu đã tham gia làm báo bí mật.

Năm 1936, Trần Hiệu bị đuổi học vì những hoạt động cách mạng. Ông lên Hà Nội tham gia hoạt động trong Phong trào Mặt trận Dân chủ, Hội Ái hữu và Đoàn Thanh niên Dân chủ Đông Dương. Năm 1937, ông được giao Phụ trách Phòng Quản trị tờ báo Thế giới, một trong ba tờ báo chính của Đoàn Thanh niên Dân chủ Đông Dương. Năm 1938, ông được các đồng chí Trường Chinh, Đào Duy Kỳ giới thiệu vào Đảng Cộng sản Đông Dương.

Hành tung hoạt động sôi nổi tích cực của Trần Hiệu lọt vào vòng ngắm của mật thám Pháp. Năm 1939, Trần Hiệu bị chính quyền thực dân bắt giữ, kết án đưa lên giam ở nhà tù Sơn La. Trong tù, ông đã giữ vững khí tiết. Tháng 9/1940, ông bị đưa về giam ở xà lim của Sở Mật thám Hà Nội.

Đầu năm 1941, Trần Hiệu tiếp tục bị thực dân Pháp đẩy lên nhà lao Bắc Mê, Hà Giang và ông lại tiếp nối những hoạt động cách mạng sôi nổi hơn. Pháp lại phải đưa ông về giam tại nhà lao Sơn La. Tại đây, ông cũng đã tham gia tuyệt thực phản đối chế độ thực dân. Tháng 6/1941, Trần Hiệu cùng 7 đảng viên Cộng sản khác bị đẩy lên tàu hỏa về xuôi.

Tới Ninh Bình, nhóm tù nhân có thêm một người mới, đó là đồng chí Phan Bội (sinh năm 1911, người gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1930, từng sinh hoạt cùng chi bộ với Hải Triều và Trần Văn Giàu, từ tháng 8/1945 lấy tên là Hoàng Hữu Nam, trở thành Thứ trưởng Bộ

Nội vụ của Chính phủ VNDCCH...). Nhóm tù 11 người đã bị đưa vào Sài Gòn bằng xe lửa rồi bị đưa xuống tàu thủy, đem đi đày ở đảo Madagascar (châu Phi)...

Đầu tháng 11/1942, quân đội Anh chiếm Madagascar. Họ đã tỏ ra thiện cảm với những người tù chính trị Việt Nam, vốn có tình cảm ủng hộ lực lượng Đồng minh chống phát xít. Và sau khi chính phủ của tướng De Gaulle lên nắm quyền ở Paris, chính quyền Pháp ở Madagascar đã buộc phải tuyên bố trả tự do cho những tù binh Việt Nam trên đảo.

Kinh nghiệm những ngày vất vả làm việc đồng áng phụ giúp bố mẹ thời nhỏ của những cựu tù chính trị người Việt lúc này đem ra có ích. Họ đã hướng dẫn dân bản địa cách trồng lúa nước, dệt vải bông, cả việc tập tành văn nghệ nên được nhân dân và chính quyền bản địa rất quý mến...

Vui thú điền viên hay đắm đuối với cuộc sống ngư tiều canh mục không phải là bản chất của nhóm cựu tù chính trị Cộng sản ở Madagascar. Đầu năm 1943, họ đã quyết định tìm cách tham gia lực lượng Đồng minh chiến đấu chống phát xít với dự định sẽ tùy cơ ứng biến tìm đường về Việt Nam. Tháng 3/1943, quân Đồng minh Anh - Pháp ở Madagascar đã gọi Hoàng Đình Giong (tức Vũ Đức, sau là Khu trưởng Khu 9, Khu 6) và Đoàn Ngọc Rê (tức Cao Dương Tiếp, Dương Công Hoạt, sau là Ủy viên Ban Dân tộc Trung ương kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc của Chính phủ) nhập ngũ.

Tới ngày 4/6/1943, Phan Bội, Tô Gĩ, Nguyễn Văn Phòng được gọi nhập ngũ, tới đầu tháng 9 thì đến Trần Hiệu và 12 người khác. Hầu hết được đưa tới Đại đội 1 thuộc cái gọi là “Quân chí nguyện Đông Dương” của lực lượng De Gaulle. Tại đây, Trần Hiệu và các đồng chí của ông đã vận động binh lính người Việt, vừa tìm cách tranh thủ, thuyết phục lính Pháp để bảo toàn đội ngũ, tìm cách sớm trở về nước.

Đầu năm 1944, ông cùng với hai người đồng chí của mình là Nguyễn Văn Ngọc (sinh năm 1908, về sau từng là Bí thư Thành ủy Hà Nội rồi Viện phó Viện Công tố, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Trưởng ban Biên giới...) và Nguyễn Văn Phòng (tức Nguyễn Văn Minh, sau là Chánh án Tòa Dân sự, Tòa án Nhân dân Tối cao) được chỉ huy quân đội Anh tập hợp thành một nhóm và đưa tới Kenya rồi sang Ấn Độ để tham dự huấn luyện nghiệp vụ tình báo. Bốn người đồng chí khác là Phan Bội, Lê Giản, Hoàng Đình Giong và Đoàn Ngọc Rê, được chia vào các nhóm khác...

Tại Ấn Độ, gặp lại đồng chí Phan Bội, ba chàng trai trẻ mới được biết rằng người Anh định sử dụng họ để thực hiện các chương trình phát thanh ở Sydney (Australia), San Francisco (Mỹ) và New Delhi (Ấn Độ).

Trần Hiệu cùng các đồng chí của mình đoán trước rằng, nếu thực sự gia nhập lực lượng Anh - Mỹ thì rốt cuộc chắc chắn sẽ bị lợi dụng để chống lại Liên Xô nên các ông đã tìm mọi cách thoái thác những đề nghị hợp tác xem ra có vẻ rất hấp dẫn. Đồng thời, nhóm cán bộ người Việt này đã tìm cách bí mật liên lạc với Đảng Cộng sản Ấn Độ....

Tình báo Anh ở Calcutta đã huấn luyện họ về lý thuyết hoạt động tình báo, cách đánh morse và dịch mật mã. Tham gia huấn luyện có cả các nhân viên Cục Tình báo Chiến lược Mỹ (OSS, tiền thân của CIA)...

Tháng 3/1945, chỉ huy tình báo Anh đã cho máy bay B-29 của Anh chở Trần Hiệu, Nguyễn Văn Ngọc và Nguyễn Văn Phòng bay từ Dakar qua vịnh Bengal, vịnh Thái Lan vào vịnh Bắc Bộ tới châu thổ sông Hồng. Theo kế hoạch, ba tình báo viên người Việt sẽ phải nhảy dù cùng điện đài xuống khu vực Miếu Môn để triển khai hoạt động, nhưng vì vấp phải mạng lưới pháo phòng

không của phát xít Nhật bắn lên, cộng thêm với điều kiện tự nhiên có sương mù dày đặc nên máy bay đã phải quay về.

Phi vụ thứ hai đã được tiến hành vào tháng 5/1945 theo đúng hành trình cũ. Ba tình báo viên người Việt của Đồng Minh đã nhảy dù thành công xuống làng Tiên Lữ, huyện Quốc Oai. Nhờ được nhân dân che chở, giúp đỡ, ba người đã tìm về được nhà Trần Hiệu ở Phúc Lâm và chỉ ít ngày sau đã bắt liên lạc được với Xứ ủy Bắc Kỳ.

Gặp họ, lãnh tụ Hồ Chí Minh khuyên rằng không nhất thiết họ phải đốt dù và căn dặn nên bắt liên lạc lại với người Anh tại Trung tâm chỉ huy ở Calcutta (Ấn Độ) để xin thêm vũ khí, điện đài, thuốc chữa bệnh và tiếp tục cộng tác trên cơ sở cùng chiến đấu chống lại phát xít...

Những ngày sôi nổi và không kém hồi hộp ấy Trần Hiệu được bố trí trong một ngôi chùa nhỏ thuộc huyện Hoài Đức. Tổ chức giao cho ông nhiệm vụ: giữ liên lạc bình thường với người Anh, thực hiện liên lạc bằng điện đài giữa Xứ ủy và Trung ương, chuẩn bị chương trình để mở lớp huấn luyện về trinh sát quân sự cho Xứ ủy... Và ông hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Sau Cách mạng Tháng Tám, Trần Hiệu được cử Phụ trách Phòng Án Chính trị rồi làm Phó giám đốc Sở Công an Bắc Bộ. Chính ông cùng những người đồng đội chí cốt của mình từ thời Madagascar như Lê Giản... đã tham gia chỉ đạo lực lượng công an trấn áp có hiệu quả lực lượng phản động Đại Việt và Quốc dân đảng trong vụ án Ôn Như Hầu...

Ngày 15/7/1951, Cơ quan Tình báo Chiến lược của VNDCCH được thành lập với tên gọi Nha Liên lạc thuộc Thủ tướng Phủ, ông Trần Hiệu đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh bổ nhiệm làm Giám đốc. Ngày 10/6/1957, Nha Liên lạc hợp nhất với Cục Quân báo - Bộ Tổng tham mưu thành Cục Tình báo ông lại được bổ nhiệm làm Cục trưởng.

Năm 1958, ông được phong quân hàm Đại tá. Năm 1960, Đại tá Trần Hiệu được bổ nhiệm làm Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao và ông đảm nhận vị trí này cho tới khi về hưu năm 1984 và mất năm 1997.



Ông Vũ Mạnh Kha, người con trưởng của Đại tá Trần Hiệu.

... Ngôi chuyện với người con trưởng của cụ Trần Hiệu cứ cuộn lên bao nỗi tiếc. Tiếc có một cuốn sách bộ phim nếu như được thực hiện về sự kiện 7 nhà tình báo Việt nhảy dù năm xưa ấy?

Và câu chuyện của ông Vũ Mạnh Kha cứ như một cuốn hồi ký về cha mình, về nhà tình báo Trần Hiệu có những chi tiết như nhà tình báo Lê Hữu Thúy (trong lưới A22 của Vũ Ngọc Nhạ). Kháng chiến chống Pháp, Lê Hữu Thúy là cán bộ công an, sau cải cách ruộng đất, do gia đình thuộc tầng lớp trên, nên bị ra khỏi ngành. Ông Trần Hiệu đã sớm phát hiện ra tài năng, tố chất xuất sắc của Lê Hữu Thúy. Chính ông đã bảo lãnh và cùng với ông Mười Hương làm những việc cần thiết để đưa Lê Hữu Thúy vào Nam hoạt động.

Tiền Phong
18-10-15

Kỳ V: Đoạt báu vật mặt trận Điện Biên Phủ

TP - “Đầu tháng 1/1954, tôi nhận được tám bản đồ 1/25.000 mới nhất về Điện Biên Phủ. Một tổ trinh sát 6 người của Đại đội 62 thuộc Tiểu đoàn 426...trong khi tìm nhập sân bay Mường Thanh đã thu được một chiếc hòm có nhiều tấm ảnh hàng không cỡ lớn và những tấm bản đồ Điện Biên Phủ. Một tấm bản đồ đã lập tức được gửi về hậu phương nhân bản để kịp thời phục vụ chiến dịch”.



Một phần tấm bản đồ đồng chí Trần Phận đoạt được ở sân bay Mường Thanh tháng 12/1954.

Đó là đoạn trích trong cuốn “Tổng tập hồi ký của Đại tướng Võ Nguyên Giáp” do NXB QĐND ấn hành năm 2006. Đó cũng là một trong những chiến công đáng tự hào của Đại đội 62 - Tiểu đoàn 122 - Cục Quân báo - BTTM (nay thuộc Đoàn 74 - Tổng cục II).

Chiến dịch đang vào giai đoạn căng thẳng, quyết liệt. Quân ta chỉ có trong tay bản đồ Điện Biên Phủ tỉ lệ lớn, trong khi tác chiến hiệp đồng binh chủng cần phải có bản đồ chính xác trận địa phòng ngự của địch, mục tiêu, đường hướng tiến công của ta. Lần đầu tiên đánh hiệp đồng binh chủng, nếu không có bản đồ chính xác với tỉ lệ thích hợp thì không thể chỉ huy tác chiến hiệp đồng được. Trong hoàn cảnh đó, những tấm bản đồ các chiến sỹ Đại đội 62 thu được đã thực sự trở thành báu vật cho toàn mặt trận, nhất là các đơn vị pháo binh, cao xạ, hỏa tiễn. Chiến công đó chỉ là một nét chấm phá trong bề dày thành tích của Đại đội 62 đóng góp vào cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc.

Chiến công ngày đầu thành lập

Nằm trong đội hình Tiểu đoàn 426 mà sau này lần lượt có phiên hiệu là Tiểu đoàn 468, Tiểu đoàn 89, Tiểu đoàn 122, Đại đội 62 được thành lập ngày 20/3/1947 tại Thanh Giã - Lục Nam - Bắc Giang với nhiệm vụ chính là chiến đấu, trinh sát, khai thác tin tức, chuẩn bị chiến trường phục vụ chiến đấu trong kháng chiến chống Pháp. Ngay sau khi thành lập, với vũ khí thô sơ như

súng trường, mã tấu, lưỡi mác, đơn vị đã phối hợp du kích địa phương tổ chức chặn đánh một đại đội địch càn quét tại cầu Mỗ Sơn (Lục Nam), tiêu trừ và tiêu diệt phi tại An Châu, Tùng Niêng, Là Bá (Lạng Sơn). Tháng 10/1947, nằm trong đội hình chiến đấu của Tiểu đoàn, Đại đội tập kích đồn Nà U gần Na Dương - Lạng Sơn, làm thiệt hại nặng một trung đội lính Âu - Phi thiện chiến và một trung đội lính ngụy. Đồng chí Lê Lương, tiểu đoàn trưởng đầu tiên, anh dũng hy sinh trong trận đánh này. Bộ Tổng chỉ huy tuyên dương công trạng và tặng Tiểu đoàn lá cờ mang dòng chữ “Tiểu đoàn Lê Lương”. Từ đó, Tiểu đoàn còn vinh dự mang tên người anh hùng gắn liền với nhiều chiến công trong những ngày đầu thành lập.

Tháng 3 và tháng 4/1949, Đại đội được giao nhiệm vụ chặn đầu trong trận phục kích địch tại Diên Xá và là lực lượng chiến đấu chủ yếu trong trận phục kích quy mô cấp tiểu đoàn trên đường số 4, góp phần tiêu diệt 110 tên địch, bắt sống 23 tên, phá hỏng 18 xe, thu 41 súng pháo các loại và nhiều trang bị khác. Thắng lợi đó đã góp phần đáng kể vào chiến thắng to lớn của mặt trận Đông Bắc II, cổ vũ, động viên quân dân ta quyết tâm tiêu diệt địch. Cũng trong năm 1949, từ tháng 4 đến tháng 10, Đại đội trong đội hình Tiểu đoàn Lê Lương tham gia chiến dịch “Thập vạn đại sơn”, là lực lượng chủ lực của chiến dịch tại mặt trận Diên Quế. Các chiến sỹ đã vượt khó khăn gian khổ, sát cánh cùng quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc tiêu diệt và làm tan rã nhiều đơn vị Quốc dân đảng, giải phóng hàng vạn dân, mở rộng khu căn cứ Thập vạn đại sơn của bạn, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho quân ta ngăn chặn tàn quân Quốc dân đảng tràn xuống Cao Bằng, Lạng Sơn, Hải Ninh của ta.

Lớn mạnh không ngừng cùng với cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, từ 1950 đến cuối 1953, Đại đội 62 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tham gia các chiến dịch: Biên Giới, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung, Lý Thường Kiệt, Hoà Bình, Tây Bắc, Thượng Lào. Đặc biệt, ngày 25/9/1951, dưới sự chỉ huy của Đại đội trưởng Nguyễn Ngọc Bảo, đơn vị tham gia chiến dịch Lý Thường Kiệt, tổ chức phục kích đại đội com măng đô số 14 khét tiếng tàn ác của Pháp - ngụy tại chân núi Vệ (huyện Kim Anh - Phúc Yên), gần cứ điểm Mán Tép, diệt 40 tên, bắt sống 20 tên, thu nhiều trang thiết bị. Đây là thắng lợi giòn giã của Đại đội và là thắng lợi đầu tiên của Tiểu đoàn kể từ khi nhận nhiệm vụ trinh sát. Đại đội đã sử dụng cách đánh mới, táo bạo, dũng cảm, đánh nhanh, thắng nhanh, giành thắng lợi dứt điểm.

Tháng 8/1952, đồng chí Nguyễn Việt - Chính trị viên Tiểu đoàn và đồng chí Nguyễn Ngọc Bảo trực tiếp chỉ huy Đại đội hành quân lên Tây Bắc, tổ chức đặt đài quan sát Nà Sản - Cò Nồi để nắm địch, trinh sát địa hình, xây dựng phương án đánh bắt tù binh, xây dựng cơ sở cách mạng, chuẩn bị chiến trường đón các đơn vị bộ đội chủ lực của ta. Đơn vị đã báo cáo kịp thời tin tức về địch và địa hình về Cục Quân báo, góp phần giúp Bộ Chính trị xây dựng quyết tâm đánh địch giành thắng lợi trên hướng Tây Bắc.



Đồng chí Nguyễn Ngọc Bảo.

Địch ở hay rút?

Tháng 11/1953, chấp hành chỉ thị của Bộ về nắm địch ở Điện Biên Phủ, Cục lệnh cho Tiểu đoàn 122 đưa Đại đội 62 nhanh chóng hành quân theo đường số 41 tiến vào Điện Biên Phủ chuẩn bị chiến trường, phục vụ tác chiến chiến lược của Bộ ở rừng núi trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Đại đội có nhiệm vụ khai thác tin tức, điều tra nắm địch, lập hồ sơ binh yếu địa chí, chuẩn bị chiến trường. Đại đội phải xác định được chính xác vấn đề: địch đóng lại ở Điện Biên Phủ hay rút. Đơn vị đã tổ chức nhiều nhóm, mỗi ngày đêm tiềm nhập phát hiện địch, nắm địa hình trong điều kiện địch tuần tra, lùng sục liên tục. Sau nhiều lần tiềm nhập, cán bộ, chiến sỹ của Đại đội đã phát hiện địch đào giao thông hào, xây dựng lô cốt, cứ điểm kiên cố. Tin lập tức được báo về Cục Quân báo: địch chiếm đóng Điện Biên Phủ lâu dài.

Đêm 24/12/1953, phân đội trinh sát thuộc Đại đội 62 do đồng chí Trần Phận, phân đội phó, chỉ huy 6 chiến sỹ tổ chức tiềm nhập điều tra địch tại sân bay Mường Thanh. Phân đội đã có công lớn trong việc phát hiện ra chiếc dù của địch có chứa những tấm bản đồ Điện Biên Phủ vô cùng quý giá cho mặt trận. Với thành tích đó, tổ trinh sát được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng nhất, đồng chí Trần Phận được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng ba ngay tại mặt trận. Cuối tháng 12/1953, Đại đội phục vụ tin tức, điều tra và phối hợp đơn vị bạn tổ chức phục kích, bắt được một số tù binh, tập kích phá hủy một máy bay hai thân C119, một máy bay vận tải, bắt sống 13 lính dù, thu nhiều dù và 30 hòm đại bác 105 ly. Những tin tức của cán bộ, chiến sỹ Đại đội 62 thu được, cùng với tin tức của trinh sát nói chung đã góp phần vô cùng quan trọng giúp Đảng ủy, chỉ huy chiến dịch họp bàn đề nghị Bộ Chính trị quyết định chuyển phương châm đánh địch ở Điện Biên Phủ từ “đánh nhanh, giải quyết nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”, làm nên một Điện Biên Phủ “lùng lấy 5 châu, chân động địa cầu”.

Phát hiện hầm ngầm đồi A1

Khi đợt 2 chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu, bộ đội ta gặp phải sự phản kích điên cuồng của địch ở Đồi A1. Do chưa nắm chắc cấu trúc trận địa bố phòng nên ta tiến công ít hiệu quả. Chiến sỹ ta giành nhau từng tấc đất với địch. Sau mấy ngày đêm kiên cường đánh địch, ta mới chỉ chiếm

được một nửa Đồi A1. Xương máu, công sức của bộ đội sẽ tiếp tục đổ xuống nếu ta chưa phát hiện ra vị trí hầm ngầm của địch. Tiểu đoàn 426 được lệnh khẩn trương tổ chức lực lượng phát hiện hầm ngầm ở Đồi A1 phục vụ bộ đội chủ lực ta tiêu diệt cứ điểm này. Một tổ trinh sát (do đồng chí Nguyễn Ngọc Bảo chỉ huy) dũng cảm băng qua làn đạn địch, bí mật tiếp cận mục tiêu, điều tra vị trí hầm ngầm ngay trong đêm 8/4/1954. Tổ trinh sát đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nhưng trong khi tiếm nhập điều tra, đồng chí Nguyễn Ngọc Bảo cùng 6 đồng đội đã anh dũng hy sinh. Phát hiện vị trí hầm ngầm địch chính xác đã tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng công binh của ta đặt 1.000kg thuốc nổ trong lòng Đồi A1, tạo nên tiếng nổ rung chuyển đất, trở thành hiệu lệnh cho quân ta đồng loạt xông lên, tiến công vào sào huyệt cuối cùng của quân Pháp. 17h30 ngày 17/5/1954, tướng Đờ Cátxtori cùng toàn bộ cơ quan tham mưu và binh sỹ địch bị bắt sống. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị xóa sổ. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã kết thúc kháng chiến chống Pháp, đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân cũ mà Pháp là đại diện. Cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới.

Tiền Phong
19-10-15

Kỳ VI: Cưới vợ cho... chồng

TP - Dù bà chưa một lần được làm mẹ nhưng xin được gọi bà bằng tiếng mẹ thân thương... Bà là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân đầu tiên của ngành Tình báo Quốc phòng Việt Nam - Đinh Thị Vân.



Bà Đinh Thị Vân (giữa) trong đợt phong tặng danh hiệu AHLLVT năm 1970.

Sinh năm 1916 tại Xuân Trường, tỉnh Nam Định, sớm giác ngộ cách mạng, từng là Huyện ủy viên Huyện ủy Xuân Trường, trong Ban Chấp hành Tỉnh hội Phụ nữ tỉnh Nam Định, tháng 6/1954, bà được điều động lên công tác ở Cục Quân báo - Bộ Quốc phòng. Từ đó, hơn 30 năm hoạt động trên mặt trận đầy gian khổ, hiểm nguy (bị địch bắt tù đầy, tra tấn dã man), dù không qua một lớp đào tạo nghiệp vụ nào, nhưng bà đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của một sĩ quan tình báo, khai thác được những tài liệu quân sự giá trị, có ý nghĩa chiến lược.

Nỗi ân hận duy nhất

Năm 1954, bà được tổ chức điều động theo đồng bào di cư vào miền Nam hoạt động. Để yên tâm công tác theo yêu cầu của cấp trên, bà đã cưới vợ cho chồng, đem hạnh phúc của mình đặt vào tay người phụ nữ khác, không mong muốn gì hơn là có người thay mình chăm sóc chồng. Một mình ra đi, vào tận hang ổ quân thù với quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ, bà chỉ day dứt một điều: nhớ và thương mẹ. Với bí danh Trần Thị Mỹ, “di cư” vào Nam với danh nghĩa chị dâu, chồng chết, không có con, đi cùng em chồng. Xe qua cầu Long Biên để xuống Hải Phòng, bà không cầm được nước mắt. Nghề đầu tiên bà học là bán gạo. Bà hòa vào trong số những người di cư nghèo. Cái tết đầu tiên xa miền Bắc, bà ra Phan Thiết bí mật gặp cơ sở và nắm được một số tình hình cùng tập tài liệu ghi rõ việc tổ chức lại quân đội, việc thành lập các sư đoàn, tình hình trang bị theo tổ chức mới, tính năng, tác dụng của những loại pháo xe tăng mới và loại máy bay phản lực đầu tiên sẽ đưa vào Việt Nam.

Giữa lúc hiến binh quốc gia và lính Tây đen bắn nhau ở ngã Bảy, quân Bình Xuyên gây hấn và nổ súng vào Quân đội quốc gia, tình hình rối ren và vô cùng phức tạp, bà bất ngờ nhận được chỉ

thị từ Hà Nội gọi ra báo cáo, địa điểm liên lạc ở Hải Phòng. Vượt qua nhiều hiểm nguy, đến Hải Phòng an toàn, bà được hướng dẫn lên Hà Nội làm việc với Cục. Bà và một số nhân viên tình báo khi đó phải góp phần làm sáng tỏ câu hỏi lớn của đồng chí Cục trưởng: “Theo chị thì liệu hai năm sau có tổng tuyển cử không? Liệu sẽ có quan hệ bình thường giữa hai miền được không?”.

Bà lại được lệnh bí mật lên đường vào Nam. Đồng chí cán bộ làm việc trực tiếp có gan hỏi bà có nguyện vọng gì không. Thực ra có một điều, ngay từ khi về đến Hà Nội, bà đã định trình bày là muốn được gặp mẹ để nói cho mẹ biết mình đi làm nhiệm vụ, để mẹ khỏi lo lắng. Nhưng bà hiểu ngay ra tình thế không thuận, đành lẳng lặng ra đi. Và đó là nỗi ân hận duy nhất, ân hận suốt đời bà. Bà chỉ biết cầu xin mẹ kính yêu lượng thứ cho đứa con gái vì cách mạng nên đã không trọn vẹn đạo hiếu.

Bà không đi bán quốc nữa mà theo bà con tạm thời tản cư về Tân Sơn Nhì, ở trong xóm mồ côi, tìm cách liên lạc với Đặc khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, phòng khi liên lạc với miền Bắc bị đứt. Chính khi tìm mọi cách bắt liên lạc với Đặc khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, bà đã đứng trước một tình huống cực kỳ gay gắt. Sau này, khi gặp được người của Đặc khu, bà mới biết, các đồng chí ở cơ quan Tuyên huấn - Đặc khu đã họp bàn về bà, gọi bà là “mụ Sáu di cư”, nghi bà là tay sai của Ngô Đình Diệm đi dò la tin tức, có người đề nghị thủ tiêu bà.

Đầu năm 1956, liên lạc với Hà Nội bị đứt. Bà phải lặn lội ra Huế, tìm cách gửi tài liệu, nhưng ba tháng trôi qua vẫn không thực hiện được vì lúc đó, các cơ sở cách mạng bị địch đàn áp, bị vỡ nhiều. Về Sài Gòn, bà tìm cách đi theo đường qua Campuchia, gửi thư về “nhà”. Liên lạc với T.Ư được nối lại.

Bị tra tấn chết đi sống lại

...Hôm đó là Rằm tháng 7, bà mua đồ chay về ăn, gần tối, có tiếng gõ cửa. Bà bị lộ do chỉ điếm. Tại nơi giam, những trận đòn vùi dập bà trong tòa biệt thự sang trọng. Mười ngón tay bà bị đập sưng vù, hai đầu gối bị đánh phồng bạnh lên, hai bả vai tím đen. Những chiếc đinh bừa loong vẫn liên tiếp nện lên người. Không moi được gì, chúng đem máy quay điện đến. Bà chỉ còn thấy những tia xanh đỏ lóa lên rồi lịm đi... Chúng lại treo ngược bà lên rồi đập văng từ bên này sang bên kia, có lúc xoay tít như con quay. Đầu óc bà choáng váng, nước mắt, nước mũi trào ra. Sau đó, chúng dúm đầu bà vào thùng nước xà phòng, bắt phải nuốt cho đầy bụng. Tiếp đến, chúng trói chặt người bà vắt trên thành phuy chứa nước bẩn, đưa máy quay điện đi sát vành tai rồi quay mạnh. Bà bị hắt nhào đầu xuống nước, toàn thân gãy gập như người sắp chết, máu ứa ra.

Khi tỉnh lại, nghĩ đến những cơ sở tin cậy, những đứa trẻ bà thực sự coi như con, như cháu, bà giàn giụa nước mắt. Bà thảm kêu lên: “Các cháu ơi, dẫu cho chúng có kẻ dao vào tận cổ bác, có dĩa súng vào trước ngực bác, thì bác chịu tất cả, chứ bác không bao giờ khai ra các cháu đâu”.

Cuối cùng, tên chủ sự nói với bà: “Nếu thực bà chỉ là người đi buôn đi bán thì giấy, bút đây, bà viết hai câu: đả đảo Cộng sản, đả đảo Hồ Chí Minh, chúng tôi thả bà ngay”. Bà thấy nóng hai bên thái dương, nhưng vẫn cố kìm mình, tìm ra lý lẽ đáp lại. Bà bảo tay đau, vả lại Cụ Hồ có bắt bớ bà đâu mà hô đả đảo. Tên chủ sự bảo bà hô bằng miệng cũng được. Bà không kìm được nữa, đứng dậy, chỉ vào mặt hắn mà chửi: “Tổ sư cha cái thằng Ngô Đình Diệm nhà mày”. Tên chủ sự đập bà lộn vào chân tường. Hai mắt hoa lên, bà ngất lịm. Lại những cuộc tra tấn chết đi sống lại. Bà nghiêng răng lại nói: “Mày cứ quay điện đi, quay nữa đi, quay cho chết đi, tao không sợ. Bỏ đây tao quay cho”. Bà dứt dây trói ra, cầm lấy bình quay tít, người tung ra khỏi ghế, lao đầu xuống nhà, chết ngất.

Bà bị đưa đến trại Vân Đồn rồi chuyển về biệt khu thủ đô. Tại đây, bà tìm cách giữ vững tinh thần cho anh em bạn tù, yêu cầu có chế độ cải thiện cuộc sống cho tù nhân. Anh em tù trong trại coi bà như chị cả.

Về sau này, do chính người của chúng kể lại, bà được biết, có một cuộc nói chuyện giữa Phan Khanh và Dương Văn Hiếu: “Tôi đã có thêm một số tài liệu có thể kết luận: Trần Thị Mỹ tức là Đinh Thị Vân... Chắc chắn nó là giao thông đường dây tình báo trung ương”. Dương Văn Hiếu nói: “Tôi tưởng nó còn ghê gớm hơn ấy chứ. Biết rõ không phải là khó lắm, nhưng đánh ngã cái mụ này mới thật là khó”.

Không khai thác được gì ở bà, địch đưa bà tới sở thú - nơi chúng tra tấn, hành hạ tù nhân bằng những thủ đoạn vô cùng dã man. Bà lấy cái ghim cài đầu, rồi hì hụi khắc lên tường: “Tôi là Trần Thị Mỹ, quê ở Nam Định, bị bắt ngày 19/8/1959, đã qua an ninh quân đội, trại Vân Đồn, trại Lê Văn Duyệt... Hôm nay tôi về đây, sẵn sàng chết ở đây”.



Trung tướng Nguyễn Văn Là trao quân hàm đại úy cho Vũ Trọng Quyền (điệp viên trong đường dây của bà Đinh Thị Vân)

Dương Văn Minh lật Ngô Đình Diệm, rồi Nguyễn Khánh lật Dương Văn Minh. Dương Văn Hiếu quyết định bắn tất cả tù nhân ở trại Lê Văn Duyệt, nhưng rồi hăn và thuộc hạ bị bắt. Bà thoát khỏi nhà tù. Khi xét cho bà về, gã thám vấn nói: “Hồ sơ của bác như thế này mà chúng nó giam bác 5 năm à? Lại 5 năm biệt phòng, mỗi năm tính bằng 4 năm tù thường, như thế vị chi là 20 năm. Cha mẹ ơi, bọn quý này ác nghiệt quá thôi. Tội nghiệp cho bác”. Bà cười, nghĩ thầm: Cả bộ máy phản gián tinh vi, hiểm hóc của bè lũ chúng mày đã thua tao chứ không riêng một đứa nào đâu.

Gửi sớm nhiều tin quan trọng

Chiều 18/5/1964, bà về đến nhà một cơ sở, sau ba ngày ra Tổng nha trình diện, nhờ người quen giúp cho làm ngay được căn cước. Ra tù, về ngay chỗ bị bắt, xin được buôn bán, tức là làm cho địch bị bất ngờ, bà sẵn sàng tư thế lao vào công việc. Trước hết là nắm lại tình hình các cơ sở. Những người trong lưới tình báo bà gây dựng được đều đã lặn sâu leo cao, ở nơi trọng yếu

trong các cơ quan quân sự của địch hoặc có quan hệ với những nhân vật đang giữ chức vụ khá quan trọng.

Lãnh đạo của bà nhận xét: “Về mặt chỉ đạo, đồng chí Vân đã gây được lòng tin đối với cơ sở. Về mặt tình cảm, đồng chí đã tạo nên được sự gắn bó, đôi khi còn hơn cả ruột thịt. Cái thế hợp pháp của đồng chí đối với địch vẫn rất thuận lợi, uy tín của đồng chí với cơ sở sau những ngày bị tù đầy lại càng được bồi đắp vững chắc hơn. Có thể nói, cây trồng đã kết trái, bây giờ là mùa thu hoạch”.

Thế trận đã cài, mỗi cơ sở giống như một mũi tiến công tranh thủ thời gian giành lấy thắng lợi, khi từ từ, khi đột biến, nhưng luôn luôn giành thắng lợi, và mỗi ngày, thắng lợi một quan trọng hơn. Bà đã cùng cơ sở của mình gửi sớm cho tổ chức những tin quan trọng như: Mỹ sẽ đưa bao nhiêu quân vào miền Nam; sự bố trí giữa quân Mỹ và ngụy, hỗn hợp Mỹ - ngụy; kế hoạch xây dựng nghĩa quân, địa phương quân của chúng trên tất cả 43 tỉnh miền Nam; chiến dịch “ba mũi tên tìm diệt” của Mỹ - ngụy sẽ được tiến hành từng bước ra sao; âm mưu chiến dịch tiêu diệt Trung ương Cục miền Nam - chiến dịch Gian-xon Xi-ti với ý đồ “đập tan cơ quan đầu não của Việt cộng” của địch; phục vụ chiến dịch Mậu Thân 1968...

Tiền Phong
20-10-15

Kỳ VII: Điệp vụ trong tù

TP - Bị địch bắt, bỏ tù, ông vẫn có những điệp vụ xuất sắc, lấy được danh sách 17.000 tù chính trị để ta chuyển đến Hội nghị Paris, cứu hàng chục ngàn đồng chí khỏi bị địch thủ tiêu...



Ông Lê Hữu Thúy (ngoài cùng bên phải) với các tình báo viên Đặng Trần Quốc (Ba Quốc) Trần Hiệu, Mười Hương, Phạm Xuân Ân...

Biên biệt mấy chục năm xa nhà

Ông đã đi xa, để lại trong lòng người thân, đồng đội ánh mắt lấp lánh cười sau cặp kính trắng cùng niềm tiếc thương, kính trọng.

Tôi nhớ mãi giọng nói bù nhìn khi ông kể: “Tôi là con trai một trong nhà, còn lại là chị em gái. Khi đi làm cách mạng, chỉ còn mẹ. Biết tôi đi xa, mẹ chỉ mong một ngày gặp lại con. Vậy mà tôi đi mấy chục năm trời biên biệt...”

Năm 1965, khi tôi đang đối đầu với những gian khó trong Nam thì ngoài xứ Thanh xa lắc, mẹ tôi mất. Mấy ngày trời hấp hối, mẹ chỉ có một ước nguyện cuối cùng là được gặp con trai...

Tôi hình dung trong cái lạnh buốt giá của những cơn gió mùa đông năm ấy, có người mẹ già lưng còng, tóc bạc, chiều chiều, sớm sớm ngóng về phương trời xa, cầu mong cho con mình được bình yên, mơ một ngày được ôm con trong vòng tay như ngày thơ bé...

Tôi đâu có biết, thực tại, người mẹ yêu quý phải chịu cảnh gia đình bị quy là địa chủ lại có con trai chính là tôi - vào Nam theo giặc...”

Ông là anh hùng tình báo Lê Hữu Thúy. Về nho nhã, lịch lãm nơi ông có sức thuyết phục kỳ lạ. Trong cuốn sách giới thiệu đơn vị và cá nhân anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân ngành Tình báo Quốc phòng Việt Nam, có đoạn viết về ông:

“Suốt 50 năm hoạt động trong những điều kiện khó khăn và nguy hiểm, đồng chí luôn đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân, giữ vững khí tiết của người chiến sỹ cách mạng chủ động tiến công địch, lập nhiều chiến công xuất sắc...”.

Sinh năm 1926 tại Hoàng Hóa, Thanh Hóa, gia đình tuy không người theo đạo nhưng ông được cho đi học trường dòng, được học chữ Nho, giáo lý... Chính sự ngẫu nhiên đó, sau này lại như một sự sắp đặt cho nghề tình báo của ông. Khi vào Nam hoạt động, ông học thêm về triết học qua một linh mục là khoa trưởng ở một trường đại học.

Năm 1956, về Sài Gòn, đồng chí Mười Hương chỉ thị ông đi sâu vào khối công giáo di cư. Qua các mối quan hệ quen biết với nhiều linh mục, ông dễ dàng thực hiện những bước đầu tiên nhiệm vụ được giao. Ông bắt mối với linh mục Vũ Đình Trác làm tờ báo “Di cư”; làm phụ tá chủ bút báo “Đường sống”... Những bài xã luận am hiểu sâu sắc về thời cuộc, đặc biệt là đời sống xã hội của các giáo phái lúc bấy giờ của ông gây được tiếng vang lớn, có những ảnh hưởng nhất định với công chúng.

Là một trong những thành viên của lưới tình báo H10 (thuộc Cụm A22), ông cùng đồng đội có nhiệm vụ “điều tra, thu thập tin tức, tài liệu có giá trị chiến lược và các kế hoạch chiến dịch của Mỹ, Ngụy”, và đã “chịu đựng gian khổ, bám địch lâu dài, đi sâu vào hàng ngũ địch và các giáo phái phản động, thu thập được nhiều tài liệu, tin tức về quân sự, chính trị có giá trị chiến lược cao kịp thời phục vụ cho sự lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh của Đảng và Quân đội...” (Trích trong cuốn *Cá nhân và đơn vị anh hùng ngành Tình báo Quốc phòng Việt Nam*).

Bị tù đầy, vẫn có điệp vụ xuất sắc

Ngay cả kẻ địch cũng phải thừa nhận những thành tích xuất sắc của lưới tình báo trong đó có ông. Trong bộ hồ sơ ta thu được tại Tổng nha cảnh sát ngụy Sài Gòn có đoạn: “Từ trước đến nay, ngoại trừ những giai thoại giả tưởng trong tiểu thuyết trinh thám, chưa bao giờ có những tổ điệp báo thành công đến như thế... Cụm (A22) đã phát triển một hệ thống điệp viên vô cùng quan trọng và đã len lỏi vào nhiều cơ quan đầu não của Việt Nam Cộng hòa. Những tin tức quan trọng mà Cảnh sát quốc gia biết họ cung cấp đều có giá trị giúp cho Hà Nội có được những dữ kiện chắc chắn khi ấn định chính sách của họ đối với cuộc chiến tranh...”.

Còn “ông cố vấn” Vũ Ngọc Nhạ có lần nói về ông: “Ông Lê Hữu Thúy khi đương chức phụ tá thông tin chiêu hồi của Nguyễn Văn Thiệu là một trong những chiến sỹ tình báo trong lưới (H10-A22) lập công đặc biệt xuất sắc”.

Có một điều hết sức đặc biệt khi nhớ đến ông. Đó là, không chỉ lập công khi đang hoạt động mà ngay cả khi đã bị địch bắt, tù đầy, ông vẫn có những điệp vụ xuất sắc. Thời gian ông bị Ngô Đình Cần bắt giam ở Huế, ông biết giữa Ngô Đình Cần và Ngô Đình Nhu có mâu thuẫn, vì Cần như một lãnh chúa miền Trung, độc quyền bắt bớ, thao túng, nhiều lúc phớt lờ chính quyền Sài Gòn do Nhu, Diệm cầm đầu. Ông cũng hiểu rằng, nếu Cần bị diệt, kho hồ sơ của nhân vật này lọt vào tay bọn đảo chính thì vô cùng nguy hiểm, vì có khoảng 70-80 đồng chí cán bộ của ta sẽ bị lộ. Nếu đốt được số hồ sơ đó, những đồng chí này sẽ thoát tù và tiếp tục vị trí công tác của mình.



Nhà tình báo Lê Hữu Thúy.

Sau khi tính toán kỹ lưỡng, ông tìm cách tiếp cận Lê Văn Dư - Trưởng Ty Công an Thừa Thiên, Giám đốc trại giam. Tên này đang lo sợ, ít khi vào cơ quan, thường ở lại khu tập trung quân sự của Ngô Đình Cẩn. Khi được tin Ngô Đình Diệm bị bắt ở Sài Gòn, ông chớp ngay cơ hội để thủ tiêu số hồ sơ tù cộng sản trên. “Phải đưa ra khỏi văn phòng để đốt”, nghĩ vậy, ông rủ một đồng chí cùng thực hiện. Nhân có cuộc điện thoại của Lê Văn Dư, ông nói với bọn bảo vệ: “Ông Dư ra lệnh đốt hết hồ sơ tù!”. “Mệnh lệnh” được chấp hành không chút nghi ngờ vì Cẩn bắt tất cả các thành phần chống đối, không riêng gì cộng sản. Chúng giúp ông đưa hồ sơ ra khỏi nơi bảo vệ, đổ xăng đốt sạch. Nhìn những gốc tích chứng minh các đồng chí của mình là cộng sản đang biến thành tro bụi, ông thấy ngọn lửa cũng reo vui như chính lòng mình vậy.

Năm 1969, hoạt động của lưới bị lộ, ông bị chính quyền Sài Gòn kết án tù chung thân khổ sai, năm 1971 bị đày ra Côn Đảo. Trước khi xuống tàu, ông được trung tâm chỉ thị tìm mọi cách ra ngoài làm dịch vụ để tiếp tục nhận công tác. Sau mấy tháng bị giam, ông được người quen có

chức vị ở đảo vận động được ra ngoài dạy kèm tiếng Anh cho con chúa đảo, vừa làm phụ kế toán cho một tù nhân sắp được ra tù để thay thế người này.

Thời gian này, Hội nghị bốn bên ở Paris có bàn thảo về việc trao đổi tù chính trị. Chính quyền Thiệu được Mỹ tiếp tay âm mưu chuyển tù chính trị của ta thành thường phạm, chống lại việc trao trả, lập danh sách thủ tiêu những người cộng sản kiên cường (số này lên đến hàng chục ngàn). Thiệu trắng trợn thông báo tại Hội nghị, số tù chính trị ở đảo chỉ có 5 ngàn người - ít hơn rất nhiều con số của phái đoàn ta đưa ra. Phái ta lúc ấy chưa có đủ chứng cứ, chưa thuyết phục được dư luận thế giới ủng hộ.

Đầu năm 1973, ông được trung tâm giao nhiệm vụ thu thập tài liệu, chứng cứ về số tù chính trị ở đảo để làm căn cứ cho phái đoàn ta trong Hội nghị Paris. Ngày hai buổi, ông giúp việc cho kế toán trưởng. Từ danh sách thực phạm, ông nắm được số tù khoảng 20 ngàn, trong đó có 17 ngàn tù chính trị, 3 ngàn tù thường phạm. Nhưng như thế chưa phải là chứng cứ, phải làm sao lấy được tài liệu gốc của chúng thì mới có sức thuyết phục. Đợi cơ hội có nhiều người qua lại, ông lên phòng quản đốc xin thêm người làm kế toán, nhân đó tận mắt quan sát tỉ mỉ vị trí tủ hồ sơ mật, những bản kê khai số liệu có dấu đỏ trên bàn viên chánh văn phòng...

Đến một ngày, lấy cớ phải làm thêm buổi tối để kịp gửi bản kết toán phân phối thực phẩm định kỳ về Nha Cải huấn Sài Gòn, ông được viên kế toán trưởng giao chìa khóa phòng kế toán. Từ phòng này, ông leo qua trần nhà lọt vào phòng quản đốc, lấy được mẫu chìa khóa tủ tài liệu mật. Ít ngày sau, một đồng chí cơ sở làm ở xưởng cơ khí nhà máy điện của đảo đánh cho ông hai chiếc chìa khóa, một của văn phòng kế toán trưởng, một của tủ tài liệu mật ở phòng quản đốc. Khi được lệnh của trung tâm, ông thực hiện nhiệm vụ một cách êm xuôi hơn cả sự mong đợi. Ông đã có trong tay văn kiện về hồ sơ số tù cùng 5 bản điện mật liên lạc giữa Sài Gòn và Côn Đảo ghi rõ số tù đất liền gửi ra, số tù chính trị bị chuyển thành thường phạm, số tù chúng định thủ tiêu...

Những tài liệu quan trọng đó đã được các đồng chí của ông chuyển về trung tâm và chúng ta có đầy đủ chứng cứ để vạch mặt chính quyền Thiệu tại Hội nghị Paris, cũng qua đó, dư luận thế giới đã lên tiếng ủng hộ cuộc đấu tranh bên bàn Hội nghị của chúng ta. Nguyễn Văn Thiệu khi sang Roma đã bị Giáo hoàng từ chối tiếp (theo công bố của Thiệu, Giáo hoàng đã cam kết với thế giới là Thiệu chỉ giam giữ 5 ngàn tù chính trị Việt cộng).

Trong khi các đồng chí kiên trung của ta mà địch định thủ tiêu hoặc tiếp tục giam cầm được lên danh sách để trao trả, được trở về với đồng đội, ông lại bước vào một cuộc chiến đấu mới... Mật vụ không khó để tìm ra Năm Thúy. Ngay lập tức, ông bị nhốt ở chuồng bò một thời gian với những cuộc thẩm vấn, với những đòn tra tấn. Sau đó, nhờ cách biện hộ khôn khéo và địch cũng không có đủ chứng cứ để kết tội, ông thoát được cửa tử một lần nữa.

Tiền Phong
21-10-15

Kỳ VIII: Đột nhập cơ quan đầu não địch

TP - H67 là một trong những cụm điệp báo chiến lược quan trọng và hoạt động có hiệu quả của Phòng Tình báo Miền trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Cụm được thành lập vào tháng 8/1962 tại căn cứ Bời Lời, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; hoạt động ở nội, ngoại thành Sài Gòn.



Cụm tình báo H67 trong chiến dịch Mậu Thân tại nhà đồng chí Ba Lễ (điệp viên H3 - dân biểu Sài Gòn).

Nhiệm vụ của cụm là chỉ đạo một số lưới điệp báo hoạt động trong lòng địch, thu thập tin tức, tài liệu phục vụ yêu cầu của trên, đồng thời đảm nhiệm việc bảo vệ, đưa đón cán bộ ra vào nội thành Sài Gòn hoạt động và tổ chức thu mua lương thực, thực phẩm, thuốc men, trang bị kỹ thuật cung cấp cho căn cứ phục vụ đánh địch lâu dài. Những thành tích, chiến công của cụm gắn liền với công lao của cụm trưởng Lê Văn Vĩnh (Bảy Vĩnh) - Anh hùng LLVTND.

Lập điện đài giữa sào huyệt Mỹ - ngụy

13 năm hoạt động và chiến đấu trong điều kiện hết sức gian khổ, ác liệt, cụm H67 được tuyên dương: lấy được nhiều tài liệu quan trọng và nhiều tin tức kịp thời, chính xác tầm chiến lược và chiến dịch; tích cực đánh địch, diệt gần 400 tên; phá hủy hơn 20 xe tăng và nhiều xe bọc thép; bắn rơi 9 máy bay. Ngày 3/6/1976, cụm H67 vinh dự được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý Anh hùng LLVTND. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, tập thể H67 và các cá nhân còn được tặng thưởng nhiều Huân chương Chiến công các loại, danh hiệu “Dũng sĩ diệt Mỹ”.

Khi Mỹ trực tiếp đưa quân vào miền Nam, chiến trường căng thẳng, ác liệt. Năm 1966, trong trận đánh với một sư đoàn quân Mỹ, Cụm đã tiêu diệt 40 tên trong ngày đầu tiên, 2 ngày sau mỗi

trận diệt 1 xe tăng. Năm 1967, Sư 1 của Mỹ tổ chức càn quét căn cứ Bời Lời; Cụm H67 đã chiến đấu với địch 5 ngày liên tục, diệt hơn 100 tên Mỹ, 5 xe tăng và 2 chiếc trực thăng. Sau trận này, đơn vị được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất.

Một thành tích đáng kể khác của Tinh báo Miền nói chung, cụm H67 nói riêng là đã triển khai hai điện đài: Sài Gòn 1 và Sài Gòn 2 ngay trong thành phố để báo cáo tin tức địch về Bộ Chỉ huy chiến dịch. Đồng chí Phạm Hùng, Bí thư Trung ương Cục, coi đây là hai con mắt của Trung ương Cục nhìn tận sâu huyết của Mỹ - ngụy. Cán bộ của cụm đã anh dũng, mưu trí ra vào nội thành nhiều lần để điều tra các mục tiêu địch, nghiên cứu cách ém quân, cất giấu vũ khí trong quá trình chuẩn bị chiến trường.

Năm 1972, tin tức thu được về địch ngày càng nhiều, nhanh chóng, kịp thời và chính xác hơn. Chỉ huy cụm H67 đã tích cực, chủ động nắm địch, thu thập tin tức các đơn vị địch, tổng hợp báo cáo tình hình về cho cụm nghiên cứu, đánh giá, tìm ra kẽ hở của địch để chủ động tiến công hoặc luồn lách, di chuyển tránh địch, bảo toàn lực lượng tiếp tục hoạt động, chiến đấu lâu dài. Đồng thời bám sát, theo dõi những ổ phục kích, biệt kích của địch để thực hiện các chuyển đưa đón cán bộ, vận chuyển tài liệu vào ra an toàn, góp phần bảo vệ thông suốt, an toàn các đầu mối bàn đạp tiếp nhận thông tin, đưa đón cán bộ từ nội đô Sài Gòn ra chiến khu cũng như từ chiến khu vào Sài Gòn hoạt động. Đơn vị còn tổ chức bám sát, theo dõi chặt chẽ các cuộc hành quân càn quét, đánh phá của địch ở các tỉnh Bến Tre, Mỹ Tho... Từ đó móc nối, liên kết với trinh sát kỹ thuật của tỉnh đội, thị đội, huyện đội, tỉnh ủy và huyện ủy Châu Thành cung cấp các tài liệu khóa mã thu được cho các đơn vị bộ đội địa phương tổ chức đánh lớn, tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng miền Nam mùa xuân năm 1975, cụm H67 đã chuẩn bị tốt chiến trường phục vụ bộ đội ta tiến vào giải phóng thị xã và toàn tỉnh Phước Long, đồng thời lập kế nghi binh, chia lực lượng thành nhiều mũi buộc quân ngụy ở 10 đồn bốt và các chi khu quân sự hạ vũ khí đầu hàng vô điều kiện trước khi Tổng thống ngụy quyền Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng trên sóng phát thanh lúc 11h45' ngày 30/4/1975.

Phương thức sáng tạo trong chuẩn bị chiến trường

Đồng chí Lê Văn Vĩnh (tức Phạm Hữu Nghĩa, Bảy Vĩnh), Cụm trưởng Cụm H67, ba lần được tặng danh hiệu "Dũng sỹ diệt Mỹ" và được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVTND ngày 6/11/1978.

Lê Văn Vĩnh sinh năm 1926, quê xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Sau khi nhập ngũ (tháng 9/1945), ông được biên chế vào đội biệt động làm nhiệm vụ diệt ác, trừ gian. Bị địch bắt, tra khảo, ông một mực không khai báo, chúng buộc phải thả, ông trở về đơn vị tiếp tục nhiệm vụ... Thời gian tập kết ra Bắc, ông được cử đi học trường Sĩ quan Lục quân, ra trường được điều về làm trưởng ban trinh sát một sư đoàn pháo binh.

Năm 1962, Bảy Vĩnh trở lại chiến trường miền Nam phụ trách cụm H67, làm nhiệm vụ xây dựng đường dây giao thông tinh báo từ vùng giải phóng vào nội thành. Địa bàn của cụm đứng chân luôn bị địch càn quét, máy bay đánh phá có ngày 20 lần, ông đã chỉ huy đơn vị chiến đấu bám trụ thắng lợi. Có lần bị thương, ông vẫn không rời vị trí, cùng 5 đồng chí liên tục 2 ngày đêm đánh địch. Dũng cảm, mưu trí, khôn khéo, Bảy Vĩnh sống hợp pháp ở ngay những khu vực có địch để nắm tình hình kịp thời; nhiều lần đột nhập những cơ quan đầu não của địch như Bộ Quốc phòng, Tổng nha Cảnh sát, Bộ Tổng Tham mưu ngụy, lấy được nhiều tài liệu quan trọng, báo cáo cấp trên kịp thời, chính xác...

Trong cuộc đấu tranh cam go giữa lòng địch, ngoài việc chỉ huy đơn vị xây dựng thành công một cụm điệp báo hoàn chỉnh (H67), gồm lưới, giao thông, căn cứ; tổ chức đánh địch, chống càn; nổi tiếng là người chỉ huy gan góc, mưu trí, táo bạo, Bảy Vĩnh đã cùng với cơ sở điệp báo chiến lược làm bình phong, dùng cả máy bay của đối phương bay hàng giờ nghiên cứu, điều tra tỉ mỉ tiểu khu Phước Long và chi khu Phước Bình trong tháng 7/1967, phục vụ kịp thời chiến dịch tiêu diệt chi khu Phước Bình để thu hút địch, mở đầu cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968. Hình thức kết hợp giữa cán bộ có trình độ quân sự tốt, có bản lĩnh vững vàng, mưu trí và linh hoạt như Bảy Vĩnh với cơ sở tình báo vững và khôn khéo làm bình phong, đã trở thành một phương thức sáng tạo trong công tác chuẩn bị chiến trường có hiệu quả cao của Tình báo Miền.

Xuân 1968, ngoài nhiệm vụ đưa đón cán bộ ra vào thành phố nghiên cứu tình hình, ông còn đột nhập Tổng nha Cảnh sát ngục, Nha Cảnh sát Đô thành... lấy được nhiều tài liệu quan trọng, đáp ứng yêu cầu của trên. Sau tổng tiến công Mậu Thân 1968, địch phản kích quyết liệt, gây cho ta nhiều khó khăn. Đơn vị mất liên lạc với trên, cạn nguồn tiếp tế, ông đã kiên quyết lãnh đạo anh em bám trụ đến cùng. Để có vũ khí chiến đấu, ông cùng đồng đội tìm bãi mìn của Mỹ để tháo gỡ lấy thuốc nổ và kíp mìn... Sau một tháng chiến đấu bằng vũ khí tự tạo, đơn vị đã diệt 11 xe bọc thép của địch.

Chuyển vũ khí, đưa lực lượng lót sẵn trong nội thành



Nhà tình báo Lê Văn Vĩnh (trái) và Ba Lễ trong căn hầm chứa vũ khí.

Nhằm phục vụ tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta ở Sài Gòn, đơn vị của Bảy Vĩnh được Chỉ huy Đoàn 22 (Tình báo Miền) giao nhiệm vụ vận chuyển vũ khí, điện đài cất giấu vào

nội đô để tăng cường lực lượng, phối hợp đánh vào những mục tiêu quan trọng của địch. Chiều 29 Tết năm 1968, chiếc xe ô tô chở đầy ắp rau xanh che giấu vũ khí, đạn dược rời An Tịnh hướng về Sài Gòn. Bảy Vĩnh và một đồng chí đi xe máy bám sát đằng sau, vượt qua các trạm kiểm soát của địch một cách khá suôn sẻ.

Điểm tập kết vũ khí là một nơi mà có lẽ kẻ địch không bao giờ ngờ tới. Đó là nhà riêng của dân biểu Ba Lễ trên đường Triệu Đà. Khi nhận nhiệm vụ tổ chức giao, Ba Lễ đã khéo léo bố trí cho vợ con đi nghỉ Tết ở Vũng Tàu. Một mình ông ở lại, vẫn đang hoàng lái xe đi làm, hạp hành như thường lệ.

Sáng mùng một Tết, Ba Lễ đi chúc Tết. Bảy Vĩnh và các đồng chí trong đội công tác ở lại trong nhà Ba Lễ, cất giấu vũ khí vào nơi an toàn. Xung quanh ngôi nhà dày đặc cảnh sát dã chiến, biệt động, dân vệ đi lùng sục. Mấy anh em vẫn ở yên trên tầng lầu, giữ bí mật, an toàn kho vũ khí cũng như ngôi nhà của Ba Lễ để hoạt động lâu dài.

Sáng mùng 3 Tết, địch bắt ngờ gõ cửa nhà Ba Lễ. Trong nhà lúc đó, ngoài tổ của Bảy Vĩnh còn có em rể của Ba Lễ là trung úy, bác sỹ quân y quân đội Sài Gòn, cũng là một cơ sở của ta trong lòng địch. Bảy Vĩnh và người em rể của Ba Lễ bình tĩnh tiếp đón mấy tên địch. Giữa phòng khách của ông dân biểu là một cành mai rất đẹp được trang trí bằng những tấm thiệp chúc Tết của Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ và nhiều quan chức có máu mặt của chính quyền Sài Gòn. Bọn địch ra lệnh khám xét ngôi nhà, nhưng khi biết đây là nhà dân biểu, lại nhìn thấy mấy tấm thiệp, chúng dỗi ý, chỉ kiểm tra giấy tờ. Bảy Vĩnh lúc này trong vai người nhà đến chúc Tết Ba Lễ, một đồng chí khác xưng là người làm công cho gia đình ông dân biểu. Xem giấy xong, chúng bắt “người làm công” giải đi vì tội trốn quân địch, Bảy Vĩnh thoát vì đã quá tuổi quân địch. Mưu trí, bình tĩnh, ra đến cửa, thấy đông đồng bào, dân chúng kéo đến, đồng chí này lợi dụng sơ hở của địch, nhanh chóng trốn thoát.

Kho vũ khí, điện đài được bảo vệ an toàn trong nhà Ba Lễ và sau này phát huy tác dụng to lớn trong chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975. Trong chiến dịch lịch sử này, Bảy Vĩnh nhiều lần ra vào thành phố nghiên cứu các mục tiêu quan trọng, có nhiều sáng kiến chuyên vũ khí và đưa lực lượng lót sẵn trong nội thành. Ông đã chỉ huy một tổ đột nhập Bộ Tổng Tham mưu nguy, tạo điều kiện cho đơn vị bạn tiên công, hoàn toàn làm chủ mục tiêu.

Kỳ IX: Trình sát kỹ thuật đấu “pháo đài bay”

TP - Mỹ sử dụng B52 với dã tâm hủy diệt Hà Nội hòng lật ngược thế cờ ở cuộc đàm phán Paris. Trình sát kỹ thuật của ta đã góp phần làm phá sản tham vọng “đưa miền Bắc về thời kỳ đồ đá”.



Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm một đơn vị Trình sát kỹ thuật Cục 2 đêm 20/12/1972.

Đại đội 2 thuộc Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 75, Cục Nghiên cứu, Bộ Tổng Tham mưu (nay là Trung tâm TSKT 75, Tổng cục 2, Bộ Quốc phòng), tiền thân là Trạm 75A - lực lượng chuyên trách nắm không quân, hải quân Mỹ, có nhiệm vụ tổ chức trình sát phát hiện, nghiên cứu, khám phá kỹ thuật các hệ thống thông tin liên lạc của không quân, hải quân Mỹ.

Nhiệm vụ sơ đẳng, thiết bị lạc hậu

Lực lượng ban đầu thiếu và mỏng. Năm 1965, đơn vị tuyển được 10 sinh viên tốt nghiệp Đại học Ngoại giao (biết tiếng Anh) và gần 20 sinh viên năm thứ ba, thứ tư khoa tiếng Anh Đại học Sư phạm Hà Nội. Một số được phân công nắm tin về lục quân và thủy quân lục chiến Mỹ, một số nắm tin về không quân Mỹ, một số khác làm định hướng. Một số cán bộ, chiến sĩ được gửi đi đào tạo cấp tốc tiếng Anh tại Đại học Sư phạm Hà Nội trong 18 tháng. Tổng cộng có 6 khóa (từ khóa A đến khóa F), với gần 300 học viên.

Tháng 4/1967, Đại đội 2 được thành lập, do đồng chí Đường Minh Phang làm Đại đội trưởng. Biên chế gồm: Ban Chỉ huy đại đội; 3 Trung đội, 1 Đội cơ động; Phân đội mã thám, nghiên cứu tổng hợp, ra tin và Tiểu đội trình sát. Trung đội 1 thực hiện nhiệm vụ nắm hải quân (trọng tâm là theo dõi, nắm toàn bộ hoạt động của lực lượng Đặc nhiệm 77 của Hạm đội 7); Trung đội 2 nắm hoạt động của Tập đoàn không quân số 7; Trung đội 3 nắm hoạt động của Tập đoàn không quân số 13 và lực lượng không quân chiến lược ở Guam, Utapao; Đội cơ động chặn thu sóng cực ngắn chi viện cho Bộ Tư lệnh Phòng không-Không quân đánh địch và thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu

về máy bay B52 tại địa bàn Quân khu 4; Tiểu đội trinh sát có nhiệm vụ nghiên cứu tìm các đối tượng chặn thu và hỗ trợ các đơn vị trong Đại đội tìm kiếm các đối tượng đang chặn thu đối tần số hoặc mật danh liên lạc. Hỗ trợ Đại đội nắm địch có Tiểu đoàn định hướng 13, Tiểu đoàn radar đối hải và bộ phận radar phòng không.

Trình độ ngoại ngữ, kiến thức về trinh sát kỹ thuật và đối tượng trinh sát của cán bộ, chiến sĩ thời gian đầu cơ bản còn hạn chế, chỉ có một số ít đồng chí có trình độ đại học, còn lại đa số mới qua lớp đào tạo cấp tốc tiếng Anh 18 tháng và bồi dưỡng sơ đẳng về chuyên môn, nghiệp vụ. Bên cạnh đó, trang bị rất thiếu và lạc hậu hơn nhiều so với đối phương. Nhưng toàn đơn vị đã nâng cao tinh thần trách nhiệm, có ý chí quyết tâm cao, chủ động khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, tích cực học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ ngoại ngữ, khai thác, sử dụng trang bị kỹ thuật, kiến thức về đối tượng trinh sát, tìm ra cách đánh phù hợp, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Cách đánh độc đáo

Chủ tịch Hồ Chí Minh dự đoán: "...Mỹ chỉ chịu rút quân khỏi Việt Nam khi bị thua trên bầu trời Hà Nội". Từ tháng 6/1965, khi không quân Mỹ bắt đầu sử dụng máy bay ném bom chiến lược B52 trên chiến trường miền Nam, chủ trương phải nghiên cứu cách đánh B52 được đưa ra. Trạm 75A (đơn vị tiền thân của Đại đội 2) bắt đầu lần tìm, dò nắm quy luật hoạt động của không quân Mỹ.

Yêu cầu ngặt nghèo được đặt ra là cần phải nắm và báo tin trước về các trận đánh của địch với các yếu tố: thời gian nào đánh, lực lượng là bao nhiêu, chủng loại gì, địa điểm đánh ở đâu, hướng nào? Thời điểm đó, phía Trung Quốc đã có một số tin báo cho ta nhưng lại không chỉ cách làm thế nào để có tin, chỉ nói "phải phán đoán bằng ký hiệu (dấu hiệu) tình báo". Vậy nên đành phải mò mẫm phương pháp ra tin dựa trên dấu hiệu tình báo.

Ngày 17/12/1966, trong các bức điện đơn vị thu nhận được có một bức điện chỉ có một từ "Thunderstorm", tạm dịch là "Bão có sấm". Qua nghiên cứu kỹ lưỡng điện văn, trao đổi, hội chẩn, kết hợp với quan sát thời tiết hôm đó thuận lợi cho hoạt động của không quân, 9 giờ, đơn vị báo tin lên cấp trên: "Có thể chiều nay, không quân Mỹ từ Thái Lan vào đánh miền Bắc".

Đúng 13 giờ cùng ngày, 40 máy bay F105 của không quân Mỹ từ Thái Lan đánh phá Hà Nội. Như vậy, đơn vị đã báo cáo thời gian máy bay địch đánh phá trước 4 giờ. Những ngày sau, khi từ này xuất hiện, đơn vị đều kịp thời báo cáo sớm lên trên và kết quả đều đúng như tin báo. Đây là những tin tức ban đầu rất quan trọng khẳng định ý nghĩa và vai trò của việc ra tin dựa trên dấu hiệu tình báo, là cơ sở để đơn vị xây dựng được cách đánh độc đáo của lực lượng trinh sát kỹ thuật sau này.

Từ thời điểm đó đến các năm 1969, 1970, 1971, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 2 căng mình tập luyện, nghiên cứu quyết liệt với yêu cầu: Làm thế nào để có được tin tức về hoạt động của máy bay B52 và F111 kịp thời và đầy đủ nhất? Câu hỏi đó luôn được đưa ra tại nhiều phiên họp của tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể; được quán triệt sâu sắc từ trên xuống dưới.

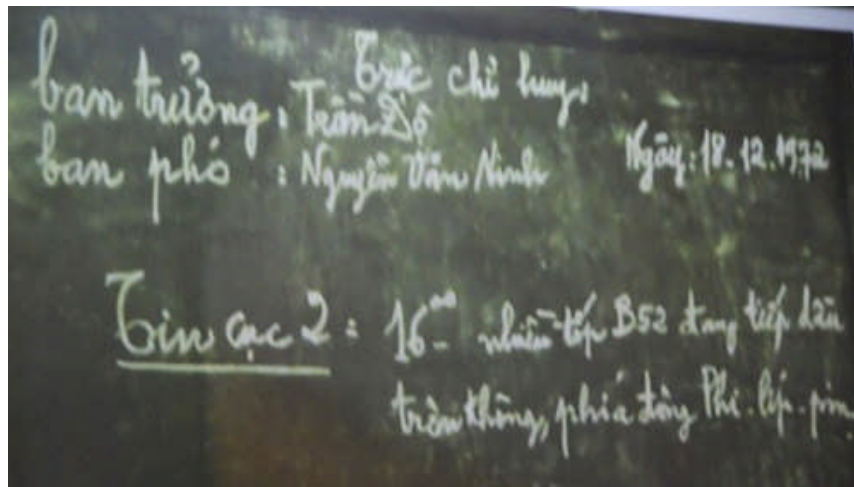
Không quân ngại gian khổ, cả đơn vị tập trung nghiên cứu, dấy lên phong trào thi đua đặc biệt, tạo niềm đam mê, sức cuốn hút kỳ lạ. Bằng nhiều cách khác nhau, đơn vị dần có những thông tin về B52; mới đầu dấu hiệu ít, tin tức rời rạc, lẻ tẻ; càng về sau kinh nghiệm nhiều hơn, đơn vị nắm tương đối đầy đủ và ngày càng chính xác tin tức về hoạt động của B52 và F111.

Đơn vị thường xuyên nắm chắc về số lượng B52 và thông báo trước từ nửa giờ tới hàng giờ, có khi trước vài giờ về các đợt đánh phá của B52 trên chiến trường miền Nam, giúp nhân dân và các

lực lượng vũ trang kịp thời sơ tán lực lượng, có biện pháp phòng tránh hiệu quả, tránh thương vong, tổn thất cho đồng bào, chiến sĩ của ta.

Đầu năm 1972, đơn vị xác định được hành trình của B52 từ lúc cất cánh đến khi đánh phá xong trở về căn cứ; nắm chắc kế hoạch di chuyển của quan chức cấp cao 3 tập đoàn không quân Mỹ (số 7, số 8 và số 13) từ các căn cứ ở Thái Lan, Philippines và Nam Việt Nam.

Từ giữa năm 1972, các báo cáo tin tức của đơn vị về hoạt động của không quân Mỹ được tiêu chuẩn hóa với độ tin cậy ngày càng cao. Đơn vị thông báo trước nhiều giờ những trận đánh quan trọng của không quân Mỹ (có trận đã thông báo B52 tấn công trước 24 giờ); nắm chắc thông tin về các tàu sân bay, sở chỉ huy các máy bay xuất kích đánh phá miền Bắc thông qua việc nắm các khu trục hạm dẫn đường.



Tin tình báo của Cục 2 trên tấm bảng tại Tổng hành dinh Ban tác chiến Bộ Tổng Tham mưu ngày 18/12/1972.

Góp phần vào chiến thắng

Ngày 13/12/1972, Tổng thống Mỹ Richard Nixon tuyên bố: “Hành động duy nhất để đạt được mục đích là đẩy mạnh ném bom, buộc miền Bắc Việt Nam phải chấp nhận giải pháp do Mỹ đưa ra”.

Ngày 14/12/1972, sau khi gặp Nixon, Cố vấn An ninh Quốc gia (sau đó là Ngoại trưởng Mỹ) Henry Kissinger gửi tới hậu thư cho Chính phủ ta đe dọa: “Nếu sau 72 giờ, Bắc Việt không quay lại Paris tiếp tục đàm phán, Bắc Việt sẽ phải gánh chịu hậu quả nghiêm trọng”. Cùng ngày, Tổng thống Mỹ ra lệnh cho Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân lập kế hoạch sử dụng máy bay B52 đánh phá Hà Nội mang tên Chiến dịch Linebacker II.

Ngày 17/12/1972, đơn vị báo cáo: “Bộ Tư lệnh Thái Bình Dương điện cho Bộ Tư lệnh Không quân Mỹ đình chỉ đi phép của tất cả các phi công, tất cả các phi công ở lại căn cứ chờ lệnh”. 8 giờ ngày 18/12, đơn vị tiếp tục báo cáo: “Trong hai ngày 16 và 17/12, Mỹ không chủ trương sử dụng lực lượng không quân, chỉ có vài tốp máy bay lên vào đánh phá”.

Rồi tiếp tin về việc Mỹ điều 5 tàu sân bay và hàng chục tuần dương hạm, khu trục hạm di chuyển vào vùng biển nước ta, hoạt động tại khu vực trên vĩ tuyến 17 ngoài khơi vịnh Bắc bộ... Trên cơ sở đó, ta nhận định, đây là động thái báo hiệu Mỹ đang chuẩn bị cho một trận đánh lớn. Từ nguồn tin đó, đồng chí Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ thị cho toàn quân sẵn sàng chiến đấu. Hà Nội đã ra lệnh sơ tán toàn bộ nhân dân ra khỏi nội thành, chỉ còn lại bộ đội phòng không, tên lửa

và lực lượng dân quân tự vệ; tất cả các loại xe ô tô đều được trưng dụng chuẩn bị phục vụ chiến đấu.

11 giờ 55 phút ngày 18/12/1972, đơn vị báo cáo lên trên: “18 giờ 30 phút đến 19 giờ tối nay, khoảng 50 lần chiếc B52 và 100 lần chiếc máy bay chiến thuật vào đánh Hà Nội”. Đến 12 giờ ngày 18/12/1972, Bộ Tư lệnh Phòng không-Không quân họp Đảng ủy bất thường ngay sau khi nhận được tin báo của Cục Nghiên cứu và ra lệnh báo động toàn quân chủng chuyển vào cấp một.

15 giờ 30 phút ngày 18/12/1972, đơn vị báo cáo: “B52 đã cất cánh, dự kiến sẽ đánh vào miền Bắc, các máy bay chỉ huy và chỉ huy cấp cứu làm nhiệm vụ trực chiến vào chiều và tối lần lượt đến vị trí quy định. Máy bay tiếp dầu KC135 từ căn cứ Clark đã cất cánh”. Đúng 19 giờ 45, các đợt đánh phá của không quân Mỹ vào thành phố Hà Nội bắt đầu đúng như tin báo của đơn vị. Tổ quốc đã không bị bất ngờ.

Các đợt đánh phá của không quân Mỹ đều được đơn vị báo cáo sớm, ngắn nhất là trước 7 giờ, dài nhất là trước 9 giờ. Về số lượng máy bay B52, F111 tham gia và địa điểm đánh phá, tất cả đều được đơn vị báo chính xác, kịp thời phục vụ cho trên chỉ huy tác chiến và chiến đấu thắng lợi, góp phần quan trọng vào chiến thắng chiến dịch phòng không 12 ngày đêm năm 1972.

TIỀN PHONG
23-10-15

Kỳ X: Trong trại Davis Tân Sơn Nhất

TP - Trong các mũi, các hướng tiến công của bộ đội ta tiến vào giải phóng Sài Gòn trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 30/4/1975, có một mũi tiến công ngoại giao, quân sự ngay trong lòng địch. Đó là 2 đoàn của chúng ta ở Trại Davis.



Trại Davis là một trại quân sự nằm ở phía tây nam căn cứ không quân Tân Sơn Nhất, nhưng thường được biết đến nhiều hơn với tư cách là nơi đặt trụ sở của hai phái đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thi hành Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh tại Việt Nam.

Hoạt động trong lòng địch

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, tôi và đồng chí Ngô Ngân đang công tác tại Trung đoàn 75 Trinh sát kỹ thuật thuộc Cục Nghiên cứu - Bộ Tổng Tham mưu (nay là Trung tâm 75 - Tổng cục 2 - Bộ Quốc phòng) cùng với đồng chí Nguyễn Trọng Tô ở Phòng 72 - Cục Nghiên cứu - Bộ Tổng Tham mưu (nay là Phòng 72 - Tổng cục 2 - Bộ Quốc phòng) được thủ trưởng Cục Nghiên cứu triệu tập và giao nhiệm vụ.

Tôi và đồng chí Ngân có nhiệm vụ trinh sát phát hiện các hoạt động quân sự, chính trị của địch để báo cáo với thủ trưởng 2 đoàn: Đoàn A (Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) và Đoàn B (Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam).

Thủ trưởng trực tiếp để chúng tôi nhận chỉ thị và báo cáo hằng ngày là đồng chí Nguyễn Đôn Tự (Đoàn A) và Thiếu tướng Hoàng Anh Tuấn (Đoàn B). Sau khi nhận nhiệm vụ, chúng tôi không khỏi lo lắng. Chúng tôi phải độc lập hoạt động ngay trong lòng địch. Tôi làm nghiệp vụ trinh sát toàn bộ hoạt động của quân ngụy, đồng chí Ngân phát hiện sự dính líu quân sự của Mỹ sau Hiệp định Paris, hoặc sự quay lại của quân Mỹ (nếu có).



Căn cứ Tân Sơn nhất năm 1973.

Chúng tôi nhận trang bị kỹ thuật, vận chuyển bằng máy bay C130 của Mỹ từ Hà Nội vào Sài Gòn. Chúng tôi triển khai trang bị vào cuối tháng 3/1973 và luôn nhận được sự giúp đỡ tận tình, chu đáo của cán bộ, nhân viên 2 phái đoàn, như tạo điều kiện triển khai trang bị nhanh gọn, an toàn, bí mật để có thể thực hiện nhiệm vụ trinh sát (lúc đó, xung quanh Trại Davis có hàng chục vọng gác cao của quân cảnh, cảnh sát, an ninh nguy theo dõi mọi hoạt động của 2 đoàn).

Sau 3-4 ngày, chúng tôi đã có báo cáo về đầu tiên về số lượng máy bay hằng ngày của Sư đoàn 1 không quân nguy ở Đà Nẵng với nội dung có bao nhiêu phi đoàn chiến đấu, loại gì, một phi đoàn có bao nhiêu phi đội, một phi đội có bao nhiêu phi cơ. Tiếp đến là các phi đoàn trực thăng chiến đấu, phi đoàn vận tải, phi đội trinh sát...

Sau đó là báo cáo về số lượng máy bay đang khiên dụng (đang hoạt động), số lượng máy bay bất khiên động (bị hỏng không hoạt động)... Trong đó chú trọng số lượng máy bay của Sư đoàn 1 không quân và kế hoạch hoạt động ngày hôm sau oanh tạc, bắn phá ở đâu trong vùng giải phóng. Bản tin đầu tiên đã được gửi đến đồng chí Tụ và đồng chí Tuấn. Hai thủ trưởng rất phấn khởi.

Từ kết quả trinh sát Sư đoàn 1 không quân, chúng tôi đã phát triển nhiệm vụ và phát hiện tiếp các hoạt động của Sư đoàn 2 không quân ở Pleiku chịu trách nhiệm yểm trợ cho vùng 2 chiến thuật - Quân khu 2, Quân đoàn 2 mà trực tiếp là Sư đoàn 22, Sư đoàn 23 của Quân đoàn 2 và các đơn vị khác đang hoạt động ở Quân khu 2.

Sư đoàn 3 không quân ở Biên Hòa yểm trợ cho Quân khu 3, Quân đoàn 3 nguy mà trực tiếp là Sư đoàn 18, Sư đoàn 5, Sư đoàn 25 thuộc Quân đoàn 3 và các đơn vị khác đang hoạt động ở vùng 3 chiến thuật. Sư đoàn 4 không quân ở Bình Thủy Cần Thơ yểm trợ cho các đơn vị vùng 4 chiến thuật, Quân đoàn 4 - Quân khu 4 mà trực tiếp là Sư đoàn 21 bộ binh, Sư đoàn 7, Sư đoàn 9 bộ binh và các đơn vị khác thuộc vùng 4 chiến thuật, đặc biệt là Sư đoàn 5 không quân ở ngay Tân Sơn Nhất bên cạnh Trại Davis.

Không có tin vẫn được khen

Chúng tôi tổng hợp và báo cáo thường xuyên lên thủ trưởng Tuấn và thủ trưởng Tụ với nội dung - tiềm lực của không quân nguy (không lực Việt Nam Cộng hòa) và mức độ đánh phá vùng giải phóng, khu vực địch đánh phá, yểm trợ cho những đơn vị nào, đặc biệt là những nơi địch hành quân lấn chiếm vùng giải phóng.

Sau mục tiêu không quân, chúng tôi trình sát đến mục tiêu, lực lượng cơ động của quân nguy, cụ thể là sư đoàn nhảy dù và sư đoàn thủy quân lục chiến lúc đó thường xuyên cơ động trên cả 4 vùng chiến thuật. Sau đó, chúng tôi được cấp trên chỉ đạo chỉ tập trung các mục tiêu cơ động quan trọng, còn các mục tiêu khác có thể dự phòng khi cần thiết.



Đoàn đại biểu quân sự Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Đoàn đại biểu quân sự Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong phiên họp 4 bên đầu tiên.

Đối với mục tiêu quân sự của Mỹ, trong tổ chúng tôi, đồng chí Ngân là cán bộ trinh sát chiến trường Mỹ ở Trung đoàn 75, đã cùng với nhiều đồng chí khác góp phần vào thắng lợi của chiến dịch “Điện Biên Phủ trên không” 12 ngày đêm tháng 12/1972.

Đồng chí được giao nhiệm vụ trinh sát các mục tiêu về Mỹ (lúc đó, Mỹ đã rút hết lực lượng về nước theo Hiệp định Paris). Mặc dù đã cố gắng liên tục, thay nhau bảo đảm gần như 24/24h, rà soát kỹ lưỡng nhiều lần, song chúng tôi không có một tin tức hoặc một mục tiêu quân sự nào của Mỹ.

Mỗi lần đi báo cáo thủ trưởng Tự hoặc thủ trưởng Tuấn, các thủ trưởng vẫn hỏi: “Có phát hiện gì về lực lượng quân sự Mỹ không?”. Rất may là cả hai thủ trưởng đều đồng ý: “Các đồng chí bảo đảm chắc chắn là không trinh sát được mục tiêu nào của quân Mỹ, thực tế các đồng chí đã hoàn thành tốt nhiệm vụ rồi. Vì các đồng chí đã góp phần vào sự khẳng định của cấp trên là lực lượng Mỹ lúc này chưa dám đưa lực lượng quay lại miền Nam Việt Nam”. Đúng là sự nghịch lý của trinh sát kỹ thuật, không có tin mà vẫn được khen thưởng.

Bình ôxy để làm gì?

Khoảng đầu tháng 10/1973, chúng tôi thường xuyên nhận được các báo cáo của f3KQ, f4KQ yêu cầu không đoàn yểm cứ Tân Sơn Nhất cung cấp đầy đủ bình ôxyzen cho các phi đoàn chiến đấu mà chủ yếu là F5 và F5E, nếu không được bổ sung kịp thời, sẽ có nhiều phi đội ngừng hoạt động. Chúng tôi cũng có tin phúc đáp của không đoàn yểm cứ Tân Sơn Nhất thông báo về vấn đề này.

Lúc đầu, chúng tôi thấy tin sự vụ này không liên quan gì để phục vụ tác chiến nên không để ý. Sau đó, Sư đoàn 1, Sư đoàn 2 không quân ở Đà Nẵng và Pleiku cũng liên tục báo cáo xin bổ sung các bình ôxy, nên chúng tôi báo cáo thủ trưởng Tự.

Thủ trưởng hỏi oxy dùng để làm gì, chúng tôi không rõ. Thủ trưởng Tuấn bảo: Việc này chỉ có anh Thu (Thiếu tướng Đặng Văn Thu - tức Đoàn Huyền - phó trưởng Đoàn B) là cán bộ cao cấp của Phòng không không quân của ta mới biết được.

Tôi được phép báo cáo trực tiếp với đồng chí Thu về tin tức trên. Sau khi xem kỹ các bản tin, thủ trưởng Thu trả lời: “Đúng rồi, máy bay phản lực tốc độ cao, khi tác chiến trên không phải thường xuyên nhào lộn nên rất cần oxy để hỗ trợ nhịp thở phi công. Cho nên các máy bay A06, A37 không cần oxy mà chỉ có F5, F5E cần.

Việc này phải để các đồng chí biệt động, đặc công của ta xử lý ngay khu liên hợp sản xuất oxy”. Chúng tôi rất phấn khởi vì bản tin tưởng như không có giá trị đã được cấp trên sử dụng. Sau đó, chúng tôi được biết quân giải phóng đã pháo kích sân bay Biên Hòa, trong khu vực đó có phân xưởng sản xuất oxy.

Hoạt động bất thường của địch

Một kỷ niệm đáng nhớ nữa là tổ trình sát chúng tôi kịp thời cung cấp tin tức về hoạt động bất thường của địch để quân ta mở chiến dịch bất ngờ giải phóng Phước Long.



Trại Davis Tân Sơn Nhất năm 1973.

Chúng tôi đã kịp thời báo cáo các tin nổi bật cho thủ trưởng Đoàn A, Đoàn B. Đó là tin Quân đoàn 2, Quân khu 2 ngưng điều Trung đoàn 45 từ Pleiku về Tây Phú Bổn (khu vực Phước An) để giải vây cho Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 ở Buôn Mê Thuột.

Đó là tin về sự hoảng loạn của tất cả các lực lượng quân sự, dân sự (tháo chạy, di tản), đặc biệt là tình hình hỗn loạn khi mắc kẹt ở quốc lộ 7... Đó là tin về việc Bộ Tư lệnh Sư đoàn 1 ở Mang Cá - Huế không chỉ huy được các đơn vị đang hoảng loạn tháo chạy khỏi Huế và khu vực Phá Tam Giang, Đà Nẵng thất thủ khi trung tướng Ngô Quang Trưởng - Tư lệnh Quân đoàn 1, Quân khu 1 bỏ chạy bằng trực thăng ra tàu của Mỹ. Đặc biệt là tin có nhiều mục tiêu quân sự tập trung ở Ninh Thuận, Bình Thuận (có đủ các lực lượng bộ binh, dù, thủy quân lục chiến...), sau này được xác định là tuyến phòng thủ Phan Rang...

TIỀN PHONG
24-10-15

Kỳ cuối: Bác Hồ với lực lượng tình báo quốc phòng

TP - Trong thư Bác Hồ gửi hội nghị tình báo có đoạn viết: “Tình báo cũng như mọi việc khác phải dựa vào dân. Tai mắt của người tình báo có hạn. Nhân dân có hàng chục triệu tai mắt. Việc gì họ cũng có thể nghe, có thể thấy, có thể biết. Vì vậy, tình báo phải cố gắng làm thế nào cho nhân dân giúp sức, thì sẽ thành công to”.



Với lực lượng tình báo quốc phòng, Bác Hồ dành cho sự quan tâm đặc biệt. Ngoài những lần gặp gỡ, trò chuyện thân ái với cán bộ, chiến sĩ, Bác còn chu đáo gửi thư mỗi dịp lực lượng tổ chức hội nghị. Ấn trong những lời thăm hỏi thân thiết là những nhiệm vụ, mệnh lệnh, chỉ thị được đúc kết một cách sinh động. Bác từng khuyên cán bộ, chiến sĩ tham khảo sách vở đông tây kim cổ về tình báo, trong đó có Binh pháp Tôn Tử. Và Bác đã cẩn thận diễn nôm thêm rất sinh động, hấp dẫn dựa trên thực tế của cuộc kháng chiến kiến quốc khi ấy và thực tiễn của Việt Nam. *Tiền Phong* xin trân trọng trích giới thiệu cùng bạn đọc.

“Các chú đều biết rằng: Tình báo là tai mắt của Quân đội, trách nhiệm của nó rất quan trọng. Binh pháp nói: Biết mình, biết địch, trăm trận đều thắng. Muốn biết địch, thì phải có tình báo giỏi. Muốn khỏi địch biết ta, cũng phải có tình báo giỏi. Địch nhân có một tổ chức tình báo rất khôn khéo, xảo quyệt. Chúng có nhiều kinh nghiệm, nhiều mảnh khóc và một truyền thống lâu dài. Vẫn biết các chú đều cố gắng, chịu khó, có sáng kiến, có tiến bộ. Nhưng chúng ta phải thật thà nhận rằng, tình báo ta còn kém. Phải cố gắng nhiều nữa, tiến bộ nhiều nữa”.

(Trích thư gửi Hội nghị tình báo toàn quốc tháng 3/1948)

“Nhân dịp hội nghị, tôi gửi lời thân ái hỏi thăm anh em và mong hội nghị có kết quả tốt. Tôi nêu ra vài ý kiến để giúp hội nghị thảo luận:

1. Tình báo là tai và mắt của quân đội. Tai phải nghe rõ, mắt phải thấy rõ tình hình của địch thì ta mới dễ đánh thắng địch.
2. Người xưa nói: “Biết địch, biết ta, thì 100 trận ta thắng cả 100”.

Biết địch là nhiệm vụ của tình báo.

3. Bên ta phải biết rõ địch, nhưng đồng thời không để địch biết ta. Vì vậy, nhiệm vụ của tình báo là hết sức giữ kín tình hình và tin tức của ta, không cho lọt đến địch. Tình báo là một khoa học. Người làm tình báo ắt phải có 4 đức tính: bí mật, cẩn thận, khôn khéo, kiên nhẫn. Và phải tuyệt đối tẩy sạch những chứng: khoe khoang, ba hoa, cầu thả, hấp tấp, lộ bí mật, làm việc luộm thuộm, sơ suất hoặc làm bằng cách bàn giấy...

4. Tình báo cần có huấn luyện hần hoi, huấn luyện tinh thần và kỹ thuật. Từ cấp trên đến cấp dưới, phải thi đua nhau nghiên cứu, học tập. Mình không biết thì phải học, học rồi sẽ biết. Không nên giấu dốt, giấu dốt thì không bao giờ thông được. Lý luận tình báo trong quyển Tôn Tử binh pháp, tất cả các chú đã nghiên cứu chưa? Chưa thì cần phải nghiên cứu. Nó là nền tảng của công tác tình báo.

5. Trong công tác, cấp trên đối với cấp dưới luôn luôn phải có sự giúp đỡ, đôn đốc kiểm tra. Thiếu một điều trong ba điều đó thì công việc sẽ lúng túng.

6. Tình báo cũng như mọi việc khác phải dựa vào dân. Tai mắt của người tình báo có hạn. Nhân dân có hàng chục triệu tai mắt. Việc gì họ cũng có thể nghe, có thể thấy, có thể biết. Vì vậy, tình báo phải cố gắng làm thế nào cho nhân dân giúp sức, thì sẽ thành công to”.

(Thư gửi Hội nghị tình báo tháng 8/1948)



Hồ Chủ tịch trên Đài quan sát mặt trận Đông Khê, Chiến dịch Biên giới 1950.

“Trong cuộc hội nghị năm trước, Bác viết thư cho các chú, đại ý nói: Tình báo là tai mắt. Tai phải tỏ, mắt phải sáng, thì đầu óc định kế hoạch mới đúng. Đầu óc định đúng, thì chân tay hành động mới kịp thời. Ta tai mắt sáng tỏ, kế hoạch đúng sát, hành động kịp thời, thì ta nhất định thắng địch.

Về công tác tình báo, Bác bảo các chú: nó là một công tác khoa học.

- Phải bí mật, tức là tuyệt đối tránh sơ suất.
- Phải khôn khéo, tức là tuyệt đối tránh luộm thuộm.
- Phải cẩn thận, tức là tuyệt đối tránh cầu thả.
- Phải kiên nhẫn, tức là tuyệt đối tránh hấp tấp.

Đó là một việc cần phải chịu khó luôn luôn điều tra, nghiên cứu, học tập. Phải luôn luôn dựa vào dân, và đi sát địch, thì mới có kết quả.

Những ý kiến đó bây giờ vẫn đúng, mà sau này vẫn cứ đúng. Tất cả cán bộ phải thi đua thực hành cho đúng những điều đó. Kinh nghiệm bảo Bác thêm vài điểm trong thư này: Tất cả mọi công việc, nhất là công tác tình báo, phải kiên quyết tránh những bệnh chủ quan, khinh địch, hiếu danh, cá nhân chủ nghĩa. Đó là những kẻ địch “vô ảnh, vô hình”, nó nép trong tâm lý của cán bộ, và nguy hiểm hơn mấy Phòng 2 (Phòng Nhì) Pháp cộng lại... Vậy các chú phải dùng tự phê bình và phê bình thật thà, để tẩy sạch bệnh nguy hiểm ấy”.

(Hồ Chí Minh tháng 6/1951)

Binh pháp Tôn Tử

Tôn Tử đã dựa vào 10 nguyên lý chính để tạo ra binh pháp của ông. Nguyên lý thứ nhất: Phải biết xét đoán tính người, biết tình hình thiên thời, địa lợi để định kế hoạch hành động mới có thể thắng trận được... Tôn Tử nói: “Biết mình, biết người, đánh trăm trận, được trăm trận. Chỉ biết mình mà không biết người, đánh trăm trận có khi được, khi thua. Không biết mình không biết người, đánh trăm trận chỉ thua hoài”. Ông lại nói: “Biết mình, biết người, thắng trăm trận và không bị nguy hiểm. Lại biết được thiên thời, địa lợi nữa, cầm chắc được toàn thắng”.



Chủ tịch nước Trương Tấn Sang gắn Huân chương Quân công hạng Nhất lên Quân kỳ quyết thắng của lực lượng Tình báo Quốc phòng. Ảnh: XB

Nhưng làm thế nào để biết mình được? Vậy trước khi chưa khai chiến, nghĩa là lúc đương định kế hoạch chiến tranh, phải tự xét mình xem đã đủ 5 điều kiện sau này chưa:

1. *Đạo*, nghĩa là chính sách của Chính phủ đối với dân chúng, chính sách này phải hợp với nguyện vọng và quyền lợi của dân chúng. Đối với dân, Chính phủ phải thi hành một nền chính trị liêm khiết như cải thiện đời sống của nhân dân, cứu tế thất nghiệp, sửa đổi chế độ xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa... Có như thế, dân chúng mới đoàn kết xung quanh Chính phủ.

2. *Thiên thời*, nghĩa là lợi dụng ngày, đêm, sớm, tối, mưa, nắng, nóng, rét... Về thời cổ, tối kỵ là đánh trận vào lúc rét quá hay nóng quá, vì sợ binh sỹ chết rét hay chết dịch nhiều hơn là chết vì chiến tranh. Ngay trong thời đại khoa học ngày nay, sự phòng nóng, rét đã tiến bộ nhưng chưa thể chinh phục hẳn được thời tiết.

3. *Địa lợi*, là từ căn cứ ra đến chiến trường xa hay gần, chiến địa hiểm trở hay bằng phẳng, chiến tuyến rộng hay hẹp, địa điểm lui quân có an toàn hay không an toàn. Đó là khoa học địa hình học ngày nay, cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng trong khi đánh trận.

4. *Tướng*, nghĩa là người làm tướng phải có đủ trí, tín, nhân, dũng, nghiêm. Trí là mưu trí. Nếu có đủ mưu trí, có thể quyết định được thua từ ngoài nghìn dặm. Tín là không lừa dối, thường phạt công bình, tài chính phân minh. Dũng là không sợ hãi, trầm tĩnh để chiến đấu và gặp nguy nan phải tiến trước binh sỹ. Nghiêm là không dung thứ, phải nghiêm trang và trọng kỷ luật.

5. *Pháp*, gồm các mục là:

a) Cách tổ chức quân đội lúc thời bình thế nào, lúc thời loạn thế nào.

b) Quy luật làm việc của các quan trường (người chỉ huy), nghĩa là lúc làm việc, các quan trường phải làm đúng quy luật đã định.

c) Quân phí, quân nhu phải lo tính cho đầy đủ.

Năm điều nói trên, người làm tướng phải biết rõ. Thế tức là biết mình. Nhưng biết phải có làm, làm được thời có nhân hòa, địa lợi, thiên thời, tướng giỏi, quân nhu đầy đủ để nắm chắc được phần thắng trong lúc chiến tranh.

(Bút danh Q.Th, báo Cứu Quốc số 242 ra ngày 17/5/1946)